

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HÒA XA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *147*/CBTT-SHX

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

- Mã chứng khoán: SHX
- Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028.38377660 Fax: 028.38369031
- Email: info@saigonhoaxa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 2:

- Thời gian: 9h00' ngày 28/11/2022.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty, 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
- Nội dung họp: *Vấn giữ nguyên nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 1.*

- Tài liệu họp: *Được đăng tải trên mục "Quan hệ cổ đông" của website Công ty tại địa chỉ: <http://saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html>*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/11/2022 tại đường dẫn: <http://www.saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Thư ký HĐQT
Lưu Văn Kiên



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

Mã số:

Số CP sở hữu:

Số CMND/CCCD/MSDN:

Địa chỉ:

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa được tổ chức ngày 18/10/2022 đã không đủ điều kiện tiến hành do tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự chỉ đạt 33,39%, thấp hơn tỷ lệ tối thiểu 65% theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 25 Điều lệ Công ty.

Do vậy, Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa trân trọng thông báo và kính mời cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 lần thứ 2, lần thứ 3 (nếu có) của Công ty CP Sài Gòn Hòa xa, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 09h00' thứ Hai, ngày 28 tháng 11 năm 2022.

2. Địa điểm: Văn phòng Công ty, 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Thành phần tham dự: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 19/9/2022.

4. Ủy quyền: Những cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự và việc ủy quyền phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Cổ đông có thể sử dụng mẫu giấy ủy quyền của Công ty (được gửi kèm tài liệu mời họp lần 1 và được đăng tải trên website Công ty) hoặc lập một văn bản ủy quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình và tài liệu được đăng tải trên mục "Quan hệ cổ đông" của website Công ty tại địa chỉ <http://saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html> từ ngày 04/11/2022. Quý cổ đông có thể tham khảo tài liệu gửi kèm thư mời họp lần 1.

6. Thủ tục đăng ký tham dự:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;

- Bản gốc giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD/Hộ chiếu);

- Văn bản ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội);

7. Bỏ phiếu từ xa:

Cổ đông nếu không tham dự trực tiếp hoặc không ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng cách gửi thư cho Ban tổ chức Đại hội theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh. Để thuận tiện cho công tác kiểm đếm Phiếu biểu quyết, Quý cổ đông vui lòng gửi đến Công ty chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.

8. Các nội dung khác:

Các ý kiến cho Chương trình của Đại hội (nếu có), đề nghị Quý cổ đông gửi đến Ban tổ chức Đại hội theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đình Vũ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ**

Thời gian: 9h00' ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Địa điểm: Văn phòng Công ty, 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Thời gian	Nội dung
8.30-9:00	Đăng ký danh sách cổ đông (CĐ)
9:00-9:10	Diễn văn khai mạc Đại hội Báo cáo kiểm tra tư cách CĐ Giới thiệu Chủ tọa
9:10-9:20	Chỉ định Thư ký Thông qua Ban kiểm phiếu Thông qua Chương trình nghị sự Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội
9:20-9:40	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc (TGD). Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) Thông báo về danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan của Công ty Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán
9:40-9:50	Tờ trình về các nội dung sau: Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 Báo cáo của HĐQT và TGD Báo cáo hoạt động của BKS Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán Kế hoạch năm 2021 Thù lao của HĐQT và BKS Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty Phương án chia công ty
9:50-10:30	Thảo luận và biểu quyết thông qua các Tờ trình/nội dung trong Tờ trình Công bố kết quả biểu quyết
10:30-10:45	Trình bày Nghị quyết ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua
10:45-11:30	Trình bày Biên bản cuộc họp và biểu quyết thông qua
11:30-11:35	Bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 LẦN 2 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 (lần 2) của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty) được tiến hành vào ngày 28/11/2022. Để đảm bảo cho cuộc họp thành công, đúng các thủ tục và hiệu quả cao, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin trình những nguyên tắc làm việc cơ bản của cuộc họp ĐHĐCĐ như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa;
- Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

II. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐHĐCĐ

Các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua:

1. Bầu Ban kiểm phiếu (BKP).
2. Chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Báo cáo hoạt động HĐQT và Tổng giám đốc.
5. Báo cáo hoạt động của BKS.
6. Kết quả SXKD năm 2020.
7. Kế hoạch năm 2021.
8. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.
9. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2021.
10. Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty
11. Phương án chia công ty.
12. Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.
13. Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2021.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự họp ĐHĐCĐ

- Các cổ đông (CĐ) hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều CĐ có tên trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 19/9/2021;

- HĐQT, BKS và Ban điều hành.

2. Quyền của CĐ tham dự họp ĐHĐCĐ

- Được trực tiếp tham dự/ủy quyền tham dự họp Đại hội;

- Được biểu quyết bằng cách gửi thư về Công ty theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Biểu quyết từ xa) và phiếu biểu quyết trong trường hợp này được gọi tắt là phiếu biểu quyết từ xa. Phiếu biểu quyết từ xa (sau khi CĐ đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin CĐ gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ **“Phiếu biểu quyết”** và được gửi về Ban tổ chức Đại hội của Công ty;

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề nằm trong Chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ, theo Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ và thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- CĐ đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của CĐ

- CĐ hoặc người được ủy quyền dự họp khi tham dự cuộc họp phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND/Căn cước công dân(CCCD)/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền, phiếu biểu quyết của CĐ và phiếu biểu quyết của CĐ ủy quyền (nếu người dự họp trực tiếp được CĐ ủy quyền);

- Đăng ký dự họp với Ban kiểm tra tư cách CĐ dự họp (BKT);

- Ăn mặc lịch sự;

- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai ngay từ đầu khi vào cuộc họp và phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp;

- Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, Chương trình nghị sự, sự điều khiển của Chủ tọa và kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Quyền của người triệu tập

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc

không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

- Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa, có chức năng điều khiển cuộc họp theo Chương trình nghị sự, các quy định đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của CĐ nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ.

- Có quyền hoãn, tạm dừng cuộc họp trong các trường hợp: Không đủ số người dự họp theo tỷ lệ quy định; có đủ số người nhưng trong quá trình diễn ra cuộc họp có người hoặc nhóm người dự họp hoặc người bên ngoài có hành vi ngăn trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành nghiêm túc, hợp pháp theo Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc, ... đã được thông qua và các trường hợp khác quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

6. BKT

- BKT gồm một trưởng ban và các thành viên. BKT phải có ít nhất một thành viên của BKS đương nhiệm. Trưởng hợp vì các lý do khách quan mà không có ít nhất một thành viên BKS đương nhiệm tham gia thì Công ty cử người khác thay thế.

- Nhiệm vụ của BKT:

- Tiếp nhận Thông báo mời họp của CĐ hoặc Giấy ủy quyền, CMND/CCCD/Hộ chiếu, các tài liệu liên quan khác ... của người tham dự Đại hội để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách CĐ có quyền dự họp và tiến hành đăng ký dự họp;

- Phát cho CĐ và người được CĐ ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết (trong trường hợp phải cấp lại phiếu biểu quyết);

- Trưởng hợp người đến tham dự họp không có đủ tư cách tham dự thì có quyền từ chối cho vào, từ chối cấp tài liệu;

- Lập và báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra tư cách CĐ tham dự họp trước khi khai mạc cuộc họp và trước mỗi lần biểu quyết nếu có sự thay đổi về số CĐ đăng ký tham dự.

7. Thư ký cuộc họp

- Nhân sự Thư ký do Chủ tọa chỉ định, gồm 01 người;

- Trách nhiệm của Thư ký cuộc họp:

- Ghi chép trình tự diễn biến cuộc họp, tóm tắt ý kiến đóng góp của CĐ, Chủ tọa trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;



- Lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và trình bày dự thảo Biên bản đề ĐHĐCĐ thông qua;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa.

8. BKP

a. Tư cách của BKP

- BKP do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua;
- Việc biểu quyết thông qua BKP do Chủ tọa cử người đứng ra kiểm phiếu và thông báo kết quả với Chủ tọa.

b. Nhiệm vụ của BKP

- BKP tổ chức kiểm thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết các vấn đề trong cuộc họp ĐHĐCĐ, trừ biểu quyết về việc thông qua BKP (Chủ tọa sẽ chỉ định thành viên kiểm thẻ biểu quyết thông qua BKP). Đồng thời, BKP phải lập biên bản về việc kiểm phiếu đó.
- Chủ tọa ủy quyền BKP công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.

IV. CÁC QUY ĐỊNH TIẾN HÀNH CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số CĐ dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp số CĐ đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ cho 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành. Trong trường hợp này, việc triệu tập và tiến hành cuộc họp lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Công cụ thực hiện biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết (phát sau khi đăng ký dự họp)

- Thẻ biểu quyết được dùng để thông qua các vấn đề sau đây theo diễn biến của Đại hội:

- + Nhân sự BKP;
 - + Chương trình nghị sự;
 - + Quy chế làm việc;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - + Các vấn đề phát sinh ngay tại cuộc họp.
- *Hình thức thẻ biểu quyết:*
- + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
 - + Mã số biểu quyết;

- + Tên CĐ;
- + Số cổ phần sở hữu/số phiếu biểu quyết;
- + Nội dung cần biểu quyết;
- + Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến);
- + Phần ký tên của CĐ/người được CĐ ủy quyền.

b. Phiếu biểu quyết (thuộc tài liệu gửi kèm cùng với Thông báo mời họp để CĐ có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư vì không đi dự họp trực tiếp hoặc vì không ủy quyền dự họp)

- Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung khác còn lại của cuộc họp (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng thẻ biểu quyết nêu trên).
- Hình thức phiếu biểu quyết:
 - + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
 - + Mã số biểu quyết;
 - + Tên CĐ;
 - + Số cổ phần sở hữu/số phiếu biểu quyết;
 - + Nội dung cần biểu quyết;
 - + Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến);
 - + Phần ký tên của CĐ/người được CĐ ủy quyền.

3. Biểu quyết thông qua các vấn đề

- ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình nghị sự.
- Thẻ biểu quyết sẽ được phát cho từng CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp tại cuộc họp vào ngày tổ chức ĐHCĐ. CĐ/người được CĐ ủy quyền lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng. Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền tại cuộc họp thay đổi ý kiến biểu quyết thì CĐ/người được CĐ ủy quyền gạch chéo vào ô đã ký, rồi ký lại vào ô khác.
- Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho từng CĐ kèm theo Thư mời họp ĐHCĐ hoặc được cấp lại tại ĐHCĐ (có đóng dấu "PHIẾU CẤP LẠI"). CĐ/người được CĐ ủy quyền lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng. Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền thay đổi ý kiến biểu quyết thì CĐ/người được CĐ ủy quyền gạch chéo vào ô đã ký, rồi ký lại vào ô khác.
- Các CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp.
- Các CĐ không tham dự trực tiếp cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự thay thì có thể gửi phiếu biểu quyết về Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa; trường hợp thư đến muộn nhưng cuộc họp ĐHCĐ chưa kết thúc



BKP phải thực hiện việc tiếp nhận ngay (sau khi được Ban tổ chức chuyển cho) và đưa vào để kiểm đếm tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để phục vụ công tác này và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Thời hạn cho việc nhận Phiếu biểu quyết từ xa là từ khi CĐ nhận được Thông báo mời họp cho đến trước khi các nội dung biểu quyết tại Đại hội đã kết thúc theo Chương trình nghị sự được thông qua. Trong trường hợp này, phiếu biểu quyết từ xa (sau khi CĐ đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin CĐ gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ "Phiếu biểu quyết" và được gửi về Trưởng ban tổ chức Đại hội của Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa. Khi kiểm phiếu, Phiếu biểu quyết từ xa sẽ được đóng dấu "BỘ PHIẾU TỪ XA" để phân biệt với các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và có giá trị như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

- Đối với các nội dung biểu quyết mà ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh/bổ sung/biểu quyết chi tiết hơn theo từng vấn đề, Ban tổ chức sẽ phát thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các CĐ/người được CĐ ủy quyền thực hiện biểu quyết vào Thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của BKP. Các nội dung mà ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh/biểu quyết chi tiết hơn sẽ thay thế nội dung tương ứng tại Phiếu biểu quyết đã gửi kèm thư mời họp.

- Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh hoặc biểu quyết chi tiết hơn các nội dung biểu quyết hiện hữu của Chương trình nghị sự thì các CĐ thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem không bỏ phiếu tại nội dung đó. Tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tổng số phiếu các CĐ tham dự Đại hội.

- **Các thẻ/phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính nếu thuộc một trong các trường hợp sau:**

✓ Không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không phải là bản gốc có dấu của Công ty;

✓ Thẻ/Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, trừ trường hợp thay đổi ý kiến biểu quyết được quy định ở trên;

✓ Thẻ/Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu, trừ trường hợp theo yêu cầu của Chủ tọa;

✓ Thẻ/Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của CĐ/người được CĐ ủy quyền, không ký tên ý kiến nào hoặc ký tên từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến; biểu quyết nào mà có vi phạm nêu trên thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;

✓ Phiếu biểu quyết từ xa không gửi về Công ty theo đúng quy định tại Quy chế này (đối với trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu từ xa).

- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ, phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

- Trường hợp CĐ đã đăng ký tham dự ĐHĐCĐ nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình ĐHĐCĐ, CĐ đó phải gửi lại thẻ/ phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Trưởng BKP trước khi ra về. Nếu CĐ bỏ về và không gửi lại Thẻ/ Phiếu biểu quyết cho Trưởng BKP xem như CĐ đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn CĐ/người được CĐ ủy quyền nào bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 05 phút kể từ khi BKP thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

- Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền quên mang Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, CĐ/người được CĐ ủy quyền có thể liên hệ với Ban tổ chức để làm thủ tục cấp lại. Phiếu biểu quyết mới sẽ được đóng dấu "PHIẾU CẤP LẠI".

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi số phiếu biểu quyết tán thành về nội dung đó đạt được tỷ lệ quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Thảo luận và phát biểu ý kiến

- Chủ tọa điều khiển phần thảo luận của Đại hội theo Chương trình nghị sự đã được thông qua;

- CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền phát biểu ý kiến thảo luận có thể ghi vào mẫu Phiếu góp ý kiến do Ban tổ chức phát, hoặc có thể đặt câu hỏi trực tiếp tại cuộc họp.

- Khi tham gia ý kiến, CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền cần nói ngắn gọn cụ thể, rõ ràng (không quá 05 phút), tập trung những vấn đề cơ bản có trong nội dung Chương trình nghị sự, không lặp lại với ý kiến trước đó đã có người phát biểu, trên tinh thần trung thực, khách quan, xây dựng và vì lợi ích chung của Công ty;

- Nếu ý kiến phát biểu quá dài, trùng lặp, không nằm trong khuôn khổ nội dung của Chương trình nghị sự ... thì Chủ tọa có quyền yêu cầu ngừng hoặc chủ động cho thay thế bằng các ý kiến khác hoặc của CĐ khác;

- Những vấn đề mang tính tranh luận, chất vấn của CĐ/người được CĐ ủy quyền phải nằm trong khuôn khổ của Chương trình nghị sự đã được thông qua và nếu ngoài phạm vi này thì Chủ tọa có quyền chuyển ý kiến cho CĐ/người được CĐ ủy quyền khác, cho ngưng tranh luận hoặc không có trách nhiệm phải trả lời.

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thư ký Đại hội ghi tóm tắt vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.



7. Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ được căn cứ vào:

- Nội dung trong các Báo cáo, Tờ trình đã được thông qua theo các tỷ lệ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Kết quả biểu quyết.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Quy chế này có thể sửa đổi lại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2020

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và trong đó có Việt Nam.

Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp và gây khủng hoảng, tê liệt mọi hoạt động đối với các lĩnh vực du lịch, khách sạn, vận chuyển... Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa là doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh Covid-19, theo đó toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 cũng bị ảnh hưởng, doanh thu (DT) sụt giảm trầm trọng, hoàn toàn chưa có dấu hiệu cải thiện cho đến thời điểm hiện tại.

2. Kết quả SXKD năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả
1	DT	36.128.405.900đ	21.782.407.948đ
2	Lợi nhuận (LN) trước thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ
3	LN sau thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ
4	LN/cổ phiếu (EPS)		-3.489đ/cp

3. Phân tích hoạt động SXKD 2020

Năm 2020 là một năm bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid -19 trên toàn cầu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh gần như tê liệt bởi những khó khăn chồng chất. Các chỉ tiêu về DT, LN trước thuế và sau thuế đều không đạt được so với kế hoạch năm đề ra.

a. Về hoạt động kinh doanh :

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 chủ yếu trên các lĩnh vực sau:

- *Cho thuê tài sản trên đất*: Doanh thu từ hoạt động này sụt giảm nghiêm trọng, các đối tác tại các vị trí thuê mất khả năng thanh toán do ảnh hưởng của dịch bệnh đều xin kết thúc hợp đồng trước thời hạn hoặc giảm giá, giảm diện tích thuê để cắt giảm chi phí tối đa. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu từ các đối tác thuê của Công ty lại rất đặc thù với các ngành nghề kinh doanh như massage, lưu trú, bar, du lịch...là những ngành nghề kinh doanh bị Chính phủ chỉ định đóng cửa hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp. Trước tình hình đó, Công ty cũng căn cứ theo tình hình thực tế, linh hoạt và đàm phán giảm giá tối đa cho các đối tác để duy trì được hợp đồng.

- *Khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng*: Các hoạt động kinh doanh tại lĩnh vực này hoàn toàn dựa vào nguồn doanh thu phục vụ du lịch, đường sắt tại các chi nhánh của Công ty. Do bị ảnh hưởng trực tiếp của các đợt bùng phát dịch bệnh, tuân thủ các thông báo dẫn cách xã hội và bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sự tê liệt của các ngành đường sắt, du lịch...toàn bộ các chi nhánh gần như bị tê liệt hoàn toàn, không có doanh thu và gần như phải đóng cửa trong suốt thời kỳ dịch bệnh, đến nay vẫn chưa có giải pháp khắc phục và thay thế.

- *Khai thác kinh doanh vận tải hàng hoá*: Công ty đã quyết định tạm dừng toàn bộ hoạt động kinh doanh tại lĩnh vực này từ quý 2/2020 do không cạnh tranh trực tiếp được với ngành vận tải đường sắt và ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

b. Về chính sách đối với người lao động:

- Công ty vẫn tổ chức và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ...được thực hiện đầy đủ.

- Vẫn duy trì, tổ chức, thực hiện khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động và các chế độ phúc lợi khác theo đúng quy định của Pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể.

c. Về thực hiện nghĩa vụ thuế:

Công ty luôn chấp hành đầy đủ, đúng thời hạn các nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của nhà nước.

PHẦN II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)

1. Cơ cấu HDQT

a. HDQT từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/6/2020 gồm 5 thành viên:

- Bà Trần Thiên Kim;
- Bà Trương Ái Liễu;
- Ông Nguyễn Văn Đông;
- Bà San Kim Chi;
- Ông Nguyễn Hữu Hưng.

b. HĐQT từ ngày 18/6/2020 đến ngày 31/12/2020 gồm 5 thành viên:

- Bà Trần Thiên Kim;
- Ông Trần Đình Vũ;
- Bà Nguyễn Thị Phi Nga;
- Bà Trương Ái Liễu;
- Ông Phạm Lê Thắng.

2. Hoạt động của HĐQT

a. Tham gia các phiên họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
I	Từ 01/01/2020 đến 18/6/2020			
1	Bà Trần Thiên Kim	17/17	100,00%	
2	Bà Trương Ái Liễu	17/17	100,00%	
3	Ông Nguyễn Văn Đông	12/17	70,59%	
4	Bà San Kim Chi	14/17	82,35%	
5	Ông Nguyễn Hữu Hưng	16/17	94,12%	
II	Từ 18/6/2020 đến 31/12/2020			
1	Bà Trần Thiên Kim	10/10	100,00%	
2	Ông Trần Đình Vũ	10/10	100,00%	
3	Bà Nguyễn Thị Phi Nga	10/10	100,00%	
4	Bà Trương Ái Liễu	10/10	100,00%	
5	Ông Phạm Lê Thắng	10/10	100,00%	

b. Chi đạo triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2020

HĐQT phối hợp với Ban điều hành (BDH) của Công ty chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của ĐHĐCĐ đề ra theo thẩm quyền của HĐQT.

c. Thực hiện chi trả thù lao, chi phí HĐQT năm 2020

- Trong năm 2020, tổng thù lao, lợi ích khác cho chức danh thành viên HĐQT là 373.633.332đ, chi tiết từng thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	Thưởng	Ghi chú
1	Bà Trần Thiên Kim	133.133.333đ	500.000đ	

2	Bà Trương Ái Liễu	60.000.000đ		
3	Bà San Kim Chi	27.833.333đ		
4	Ông Nguyễn Văn Đông	27.833.333đ		
5	Ông Nguyễn Hữu Hưng	27.833.333đ		
6	Ông Trần Đình Vũ	32.166.666đ		
7	Bà Nguyễn Thị Phi Nga	32.166.667đ		
8	Ông Phạm Lê Thắng	32.166.667đ		
	Cộng:	373.133.332đ	500.000đ	

- Lương, lợi ích khác cho việc kiêm nhiệm thành viên Ban điều hành (BDH) của thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh BDH kiêm nhiệm	Tổng lương	Thưởng
1	Bà San Kim Chi	Tổng giám đốc (TGD)	112.000.000đ	500.000đ
2	Ông Trần Đình Vũ	TGD	236.478.261đ	14.000.000đ
3	Bà Nguyễn Thị Phi Nga	Giám đốc Kinh doanh	155.809.524đ	13.000.000đ
	Cộng:		504.287.785đ	27.500.000đ

- Chi phí:

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Do Công ty còn khó khăn về vốn kinh doanh, nên các thành viên HĐQT không tính chi phí với Công ty.

d. Các công tác khác

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Triệu tập các cuộc họp ĐHCĐ.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

STT	Phiên họp ngày	Nội dung quyết định được thông qua
1	08/01/2020	<ul style="list-style-type: none">- Cho thuê một phần tài sản tại Khách sạn Hải Vân;- Chấp thuận ký hợp đồng 2020 với Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội;- Chấp thuận trả lại tiền cho ông Trần Trung Trị (Giám đốc Khách sạn Cà Ná).
2	16/01/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua hệ số hiệu quả công việc 2019 của một số GD chi nhánh;- Thông qua mức lương của một số GD chi nhánh, phụ cấp của các chức danh do TGD quản lý;- Thay đổi thời gian miễn nhiệm GD chi nhánh.
3	14/02/2020	<ul style="list-style-type: none">- Đề nghị gia hạn hợp ĐHCĐ thường niên năm 2020;- Thông qua lương, phụ cấp của Trường P.QLXD&TS.
4	20/02/2020	Thông qua lương, phụ cấp của Trường P.QLXD&TS.
5	27/3/2020	Miễn giảm tiền thuê tài sản trên đất đối với đối tác, tiền nghĩa vụ nộp đối với các chi nhánh chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
6	30/3/2020	Phê duyệt BCTC năm 2019 đã được kiểm toán để phục vụ công bố thông tin, báo cáo thuế và trình ĐHCĐ thường niên 2020.
7	09/4/2020	Thông qua việc miễn nhiệm GD Khách sạn Kỳ Đồng.
8	27/4/2020	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
9	08/5/2020	Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.
10	20/5/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc tái bổ nhiệm, mức lương của một số chức danh do TGD quản lý;- Công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;- Xử lý đề nghị của đối tác tại Khách sạn Hải Vân.

11	25/5/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý đề nghị của đối tác tại Khách sạn Hải Vân; - Phê duyệt BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Trụ sở chính.
12	03/6/2020	Thông qua nội dung dự kiến, địa điểm, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
13	05/6/2020	Bổ sung nội dung dự kiến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
14	15/6/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi TGD; - Thay đổi Trưởng phòng Nhân sự.
15	23/6/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT
16	03/7/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm GD chi nhánh; - Thống nhất với yêu cầu của nhóm cổ đông.
17	15/7/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm GD Kinh doanh; - Thông qua việc bổ nhiệm GD chi nhánh.
18	13/8/2020	Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ.
19	27/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Khen thưởng lễ Quốc khách năm 2020; - Giao dịch với người nội bộ.
20	11/9/2020	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.
21	24/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi giá khởi điểm của tài sản thanh lý; - Thông qua hợp đồng tư vấn, thực hiện thủ tục chia doanh nghiệp.
22	29/10/2020	- Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.
23	14/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Triệu tập lại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường; - Một số vấn đề trong việc triệu tập lại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD và các cán bộ quản lý khác

TGD và BDH đã chủ động, điều hành linh hoạt hoạt động SXKD và nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, cố gắng giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực trong đại dịch Covid để duy trì sự tồn tại của Công ty. Các chủ trương của HĐQT được cán bộ quản lý triển khai kịp thời.

5. Các nội dung thuộc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 chưa được thực hiện

Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và mục đích sử dụng đất tương ứng tại Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng hoạt động

a. Hoạt động kinh doanh

- Tập trung mọi nguồn lực để triển khai các giải pháp kinh doanh nâng cao hiệu quả và có sự tăng trưởng về doanh thu.

- Quản trị tốt nguồn nhân lực, tìm kiếm, đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Công ty và tìm kiếm đối tác để mở rộng quy mô phát triển kinh doanh trong những năm tới.

- Duy trì, khuyến khích sáng tạo, đổi mới đối với các ngành nghề kinh doanh truyền thống của Công ty như nhà hàng khách sạn nhằm nâng tầm thương hiệu nhằm hướng tới một kết quả kinh doanh hiệu quả hơn.

b. Hoạt động tài chính

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, đặc biệt chú trọng đến công tác huy động vốn bằng mọi nguồn lực, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để đáp ứng tốt nhất cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo kinh doanh có lãi để dần bù đắp kết quả kinh doanh các năm nay và năm trước, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu năm nay và những năm tiếp theo.

- Tích cực phối hợp công tác giữa các bộ phận trong Công ty nhằm kịp thời kiểm soát chi phí kinh doanh; triển khai có hiệu quả hơn chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Chủ động quản trị rủi ro trong công tác quản lý kinh doanh, giảm dần các khoản nợ xấu, nợ khó đòi... gây ứ đọng vốn.

c. Hoạt động quản trị

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo. Chú trọng công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ, tay nghề người lao động, tạo môi

trường làm việc tốt, ổn định việc làm và gia tăng thu nhập cho người lao động, tạo chính sách thu hút lao động trực tiếp có trình độ tay nghề cao gắn bó với Công ty hơn.

- Chi đạo tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật đối với mô hình công ty cổ phần.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện phương án tổ chức lại công ty.

- Tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược, vốn để đẩy nhanh quá trình xây dựng các dự án đang thực hiện.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Trong năm 2021, HĐQT đề nghị các mức chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	DT	22.379.000.000đ	
2	LN trước thuế	-4.907.000.000đ	
3	LN sau thuế	-4.907.000.000đ	

Thay mặt HĐQT, tôi xin chúc các quý vị CĐ sức khỏe và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 4013003015 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.

1. HOẠT ĐỘNG, THỦ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) Công ty gồm ba thành viên:

Ông Mai Hữu Dẫn (Trưởng ban)

Ông Trần An Liên (Thành viên)

Ông Vũ Đỗ Hoàng Tuấn (Thành viên)

Trong năm 2020, BKS đã thực hiện công việc theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định. Các công việc:

- Tham gia toàn bộ cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH);
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp, hợp lý trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ, xem xét Báo cáo kiểm toán của Công ty;
- Giám sát việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BDH Công ty.

Các cuộc họp của BKS:

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	18/06/2020	Họp ra mắt thành các viên Ban kiểm soát mới và bầu Trưởng ban	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất nội dung.
2	03/02/2021	Thông tin về việc thay đổi nhân sự, bộ máy quản lý Công ty.	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung.
3	12/05/2021	Thảo luận, thống nhất nội dung Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2021; trình ĐHĐCĐ đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung.

4	19/05/2021	Hoàn thiện báo cáo Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2021; Phân công Trưởng ban thông qua báo cáo trước cổ đông.	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung.
---	------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

1.2 Thù lao của Ban kiểm soát

- Thù lao BKS năm 2020: 96.000.000 đồng.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

2.1 Tình hình hoạt động của Công ty

- Năm 2020, do tình hình Covid diễn biến phức tạp nên hầu hết các mảng kinh doanh Công ty đều bị ảnh hưởng; Mảng kinh doanh vận tải mà chủ yếu là vận tải bằng đường sắt gặp nhiều khó khăn do áp lực cạnh tranh nên Công ty đã ngưng hoạt động mảng vận tải; Mảng kinh doanh dịch vụ lưu trú và mảng cho thuê bất động sản bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh. Ngoài ra sau khi hết đợt dịch thì một số đơn vị mảng lưu trú vẫn chưa thể tăng trưởng được do cơ sở vật chất xuống cấp chưa được đầu tư duy tu sửa chữa đúng mức.

2.2 Tình hình tài chính của Công ty

BKS đã xem xét Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và xem xét Báo cáo kiểm toán do công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. BKS thống nhất số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

a/ Kết quả kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020 (đồng)	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Thực hiện 2020/ kế hoạch 2020 (%)	Thực hiện 2020/ thực hiện 2019 (%)
Doanh thu	36.128.405.900	47.873.620.620	21.782.407.948	60,29%	45,5%
Lợi nhuận trước thuế	-1.979.000.000	695.957.627	-5.949.701.937	-300,64%	-854,89%
Lợi nhuận sau thuế	-1.979.000.000	482.642.787	-5.949.701.937	-300,64%	-1.232,73%

Doanh thu toàn Công ty năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 và không đạt được kế hoạch đề ra. Cụ thể doanh thu toàn Công ty năm 2020 bằng 60,29% so với kế hoạch và bằng 45,5% so với thực hiện năm 2019. Năm vừa qua, Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh covid, doanh thu hầu hết các mảng đều sụt giảm mạnh là doanh thu khách sạn bằng 61,4%, dịch vụ massage bằng 6,8%, dịch vụ vận tải bằng 12,7%, dịch vụ nhà hàng ăn uống bằng 59,8%, so với năm 2019. Một số lĩnh vực khác có sự tăng trưởng hoặc duy trì tương đương: Doanh thu cho thuê bất động sản bằng 128,7%, doanh thu rượu bia nước giải khát bằng 84,4% so với 2019.

b/ Một số chỉ số tài chính

Các chỉ số	Năm 2019	Năm 2020
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	8,5	8,18
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	143	52
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (%)	0,71	-9,96
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (giá trị sổ sách) (%)	1,62	-22,13

Nhìn chung các chỉ số tài chính: Chỉ số thanh toán hiện hành, vòng quay hàng tồn kho năm 2020 đều xấu hơn so với năm 2019. Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lợi đều giảm, đều âm. Doanh thu sụt giảm mạnh trong khi một số chi phí cố định vẫn phải chi để duy trì hoạt động của Công ty đã làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị thua lỗ.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

HDQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

HDQT Công ty đã triển khai, thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ. HDQT đã ban hành các quyết định liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, quản lý nhân sự.

HDQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và kịp thời hỗ trợ BDH trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BDH Công ty đã triển khai thực hiện các quyết định của HDQT kịp thời.

4. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

BKS tham gia một số cuộc họp thường kỳ, đột xuất của BDH, HDQT để kịp thời nắm bắt được việc chuyển khai các kế hoạch và tình hình hoạt động của Công ty.

Thành viên BKS đã nhận được đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HDQT, BDH; các tài liệu về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của BKS trước Đại hội.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- HDQT
- BKS
- Cổ đông
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng BKS



Mai Hữu Dẫn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 1

V/v thông qua kết quả kinh doanh năm 2020

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 theo các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả
1	Doanh thu	36.128.405.900đ	21.782.407.948đ
2	Lợi nhuận trước thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ
3	Lợi nhuận sau thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 2

V/v thông qua kế hoạch năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	DT	22.379.000.000đ	
2	LN trước thuế	-4.907.000.000đ	
3	LN sau thuế	-4.907.000.000đ	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 3

V/v thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (Công ty).

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (đã được trình bày tại Đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 4

V/v thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà (Công ty).

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (đã được trình bày tại Đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 5

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty).

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 6

V/v phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua thù lao của HDQT và Ban kiểm soát (BKS) như sau:

1. Thù lao của HDQT:

a. Chủ tịch HDQT: 15.000.000đ/tháng;

b. Thành viên HDQT: 3.000.000đ/người/tháng.

2. Thù lao BKS:

a. Trưởng BKS: 5.000.000đ/tháng;

b. Thành viên BKS: 2.000.000đ/người/tháng.

Mức thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HDQT

Nơi nhận:

- HDQT;

- BKS;

- Cổ đông;

- Lưu: Văn phòng HDQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 8

*V/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ vào Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty

Điều lệ hiện hành của Công ty được xây dựng căn cứ theo theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, hiện nay đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Việc tiếp tục duy trì Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 dẫn đến một số bất cập sau:

- Đối với hoạt động nội bộ, Điều lệ được xem là khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, tuy nhiên, một số nội dung trong Điều lệ chưa được cập nhật, trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, do đó, gây khó khăn trong việc vận dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp hoặc mất thêm thời gian dẫn chiếu, tham khảo quy định;
- Một số nội dung được xây dựng khi Công ty còn là doanh nghiệp có vốn Nhà nước, nay đã không còn phù hợp với thực tế hiện trạng công ty.

Theo quy định khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định cổ đông có nghĩa vụ: “2. *Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty*”.

Tuy nhiên, với thực trạng trên sẽ khó khăn cho cả cổ đông và Công ty trong việc tuân thủ và vận dụng Điều lệ.

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký Công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Ngày 31/12/2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty của công ty đại chúng, trong đó yêu cầu công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 của Thông tư này để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Hội đồng quản trị đã tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính để xây dựng lên bản dự thảo Điều lệ mới (Đính kèm Dự thảo toàn văn Điều lệ). Hội đồng quản trị cũng đã lập bảng so sánh giữa Điều lệ hiện hành, Dự thảo Điều lệ và Điều lệ mẫu để cổ đông tiện so sánh.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo bản dự thảo Điều lệ mới (đính kèm).

2. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Bên cạnh việc Luật Doanh nghiệp được sửa đổi, Luật Chứng khoán cũng được sửa đổi, dẫn tới các nghị định, thông tư hướng dẫn cũng thay đổi.

Bộ Tài chính cũng đã có Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty của công ty đại chúng, trong đó có yêu cầu công ty đại chúng tham chiếu Quy chế mẫu để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị đã tham chiếu Luật Doanh nghiệp năm 2020, Quy chế mẫu để sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty (đính kèm) trong trường hợp Điều lệ mới được thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.



Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 9

V/v chia Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa thành 02 công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp năm 2020);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc chia công ty như sau:

1. Thông qua Phương án chia Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (đính kèm) theo hình thức thỏa thuận để lập ra 02 công ty mới.

2. Ủy quyền cho HĐQT

- ĐHĐCĐ ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT của Công ty có toàn quyền quyết định các vấn đề tiếp theo; thực hiện các sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Phương án chia Công ty nêu trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn về mặt thời gian; cũng như yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan. Phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

+ Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT hoàn tất các công việc phát sinh sau ĐHĐCĐ; các thủ tục pháp lý khác có liên quan để hoàn thành việc chia Công ty.

+ Soạn thảo, điều chỉnh, bổ sung và ký kết các tài liệu liên quan đến việc chia Công ty, các thủ tục tại Sở kế hoạch đầu tư Tp. HCM và các cơ quan chức năng có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, HĐQT có quyền: Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà

nước có thẩm quyền và các bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Để đảm bảo tối đa quyền lợi của các cổ đông, ĐHĐCĐ cùng xác định và thống nhất lựa chọn phương án chia Công ty theo thoả thuận, thoả mãn các điều kiện của 02 (hai) nhóm cổ đông lớn sở hữu 30,3436% và 69,6564% tương ứng với tỷ lệ sở hữu trên vốn Điều lệ của Công ty; để thực hiện và hoàn thành có kết quả việc chia Công ty mà không phát sinh bất kỳ vướng mắc gì về pháp lý, quyền lợi của bất kỳ bên nào (bao gồm Công ty bị chia và Công ty được chia; kể cả những vấn đề có liên quan từ trước đến nay và từ nay trở về sau). Trường hợp, vì một lý do nào đó được xác định cụ thể nguyên nhân từ một trong các bên gây cản trở mà không đảm bảo thực hiện một phần; hay toàn bộ nội dung Nghị quyết này; bao gồm cả việc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM thông báo Công ty không đủ điều kiện để hoàn tất hồ sơ thực hiện chia thì Nghị quyết này được xác định là vô hiệu, không có giá trị thực hiện. Các cổ đông cùng thống nhất và cam kết không khiếu nại về toàn bộ nội dung trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: Văn phòng HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Đình Vũ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>**Dự thảo**

Số: .../2021/NQ-ĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT**v/v các nội dung thường niên của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (Công ty);

- Căn cứ các nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã được thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả
1	Doanh thu	36.128.405.900đ	21.782.407.948đ
2	Lợi nhuận trước thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ
3	Lợi nhuận sau thuế	-1.979.000.000đ	-5.949.701.937đ

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Tổng giám đốc.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Kế hoạch năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu	22.379.000.000đ
2	Lợi nhuận trước thuế	-4.907.000.000đ
3	Lợi nhuận sau thuế	-4.907.000.000đ

Điều 6. Thông qua thù lao của HĐQT và lương, thù lao của BKS như sau:

1. Thù lao của HĐQT:

- a. Chủ tịch HĐQT: 15.000.000đ/tháng;
- b. Thành viên HĐQT: 3.000.000đ/người/tháng.

2. Thù lao BKS:

- a. Trưởng BKS: 5.000.000đ/tháng;
- b. Thành viên BKS: 2.000.000đ/người/tháng.

3. Mức lương, thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ.

Điều 7. Giao cho HĐQT triển khai, tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Giao cho BKS giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

Dự thảo

Số: .../2021/NQ-ĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT v/v sửa đổi Điều lệ Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ vào Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (Công ty);
- Căn cứ nội dung trong Tờ trình số 8 v/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo bản Điều lệ mới (đính kèm).

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

Dự thảo

Số: .../2021/NQ-DH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT

v/v sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ vào Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ nội dung trong Tờ trình số 8 v/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới (đính kèm).

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CD;
- Lưu: VP HĐQT.

Trần Đình Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

Dự thảo

Số: .../2021/NQ-DH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT

v/v chia công ty thành 02 công ty mới

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ các nội dung trong Tờ trình số 9 v/v chia Công ty CP Sài Gòn Hòa xa thành 02 công ty đã được thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án chia Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa (đính kèm), mã số doanh nghiệp: 0300481625, mã chứng khoán: SHX, theo hình thức thoả thuận để thành lập ra 02 (hai) công ty mới.

Điều 2. Ủy quyền cho HĐQT

- ĐHĐCĐ ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT của Công ty có toàn quyền quyết định các vấn đề tiếp theo; thực hiện các sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Phương án chia Công ty nêu trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn về mặt thời gian; cũng như yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan. Phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

+ Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT hoàn tất các công việc phát sinh sau ĐHĐCĐ; các thủ tục pháp lý khác có liên quan để hoàn thành việc chia Công ty.

+ Soạn thảo, điều chỉnh, bổ sung và ký kết các tài liệu liên quan đến việc chia Công ty, các thủ tục tại Sở kế hoạch đầu tư Tp. HCM và các cơ quan chức năng có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, HĐQT có quyền: Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có

thẩm quyền và các bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Để đảm bảo tối đa quyền lợi của các cổ đông, ĐHĐCĐ cùng xác định và thống nhất lựa chọn phương án chia Công ty theo thoả thuận, thoả mãn các điều kiện của 02 (hai) nhóm cổ đông lớn sở hữu 30,3436% và 69,6564% tương ứng với tỷ lệ sở hữu trên vốn Điều lệ của Công ty; để thực hiện và hoàn thành có kết quả việc chia Công ty mà không phát sinh bất kỳ vướng mắc gì về pháp lý, quyền lợi của bất kỳ bên nào (bao gồm Công ty bị chia và Công ty được chia; kể cả những vấn đề có liên quan từ trước đến nay và từ nay trở về sau). Trường hợp, vì một lý do nào đó được xác định cụ thể nguyên nhân từ một trong các bên gây cản trở mà không đảm bảo thực hiện một phần; hay toàn bộ nội dung Nghị quyết này; bao gồm cả việc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM thông báo Công ty không đủ điều kiện để hoàn tất hồ sơ thực hiện chia thì Nghị quyết này được xác định là vô hiệu, không có giá trị thực hiện. Các cổ đông cùng thống nhất và cam kết không khiếu nại về toàn bộ nội dung trên.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

Trần Đình Vũ

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON TRAIN JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: STJC
- 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 028.38377660
 - Fax: 028.38369031
 - E-mail: info@saigonhoaxa.com.vn
 - Website: www.saigonhoaxa.com.vn
- 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
 - Sản xuất giống thủy sản. Chi tiết: Nuôi thủy sản.
 - Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy.
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu.
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát.
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).
 - Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc. Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến nông sản.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.
 - Chuẩn bị mặt bằng.
 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ.
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản.
 - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước.
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.
 - Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt.
 - Giáo dục mầm non.
 - Giáo dục tiểu học.
 - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
 - Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
 - Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
 - Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
 - Giáo dục thể thao và giải trí.
 - Giáo dục văn hoá nghệ thuật.
 - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
 - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.
 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở).
 - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản.
 - Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại.
 - Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh như: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch vụ: Khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cổ đông, đồng thời

khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên

quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị hoặc Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc đại hội và phải được Hội đồng quản trị hoặc Ban tổ chức xác nhận.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có

quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và

phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- d) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu

quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể

từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm

ng nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Với mỗi 5% tổng số cổ phần phổ thông sở hữu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử 01 ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành

viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi

nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành

viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ

cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp,

Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những

thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu trữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là nơi lưu trữ khác đó phải được công bố trên website Công ty; thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 50. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THẺ CÔNG TY

Điều 51. Giải thẻ công ty

1. Công ty có thể bị giải thẻ trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thẻ Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thẻ này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng **60 ngày** làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu **Ban kiểm soát** chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật khác với điều khoản

trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm **20 mục, 54 điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa thông qua ngày ... tháng ... năm tại Văn phòng Công ty, 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 01 bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật .

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	5
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	5
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Thay đổi các quyền	10
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông....	10
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	13
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	18
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	20
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	20

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	20
Điều 32. Người điều hành Công ty	20
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	21
IX. BAN KIỂM SOÁT	21
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	21
Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát	22
Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát	22
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	22
Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	23
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	23
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	23
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	23
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	24
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	25
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	25
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	25
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	25
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	26
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	26
Điều 45. Năm tài chính	26
Điều 46. Chế độ kế toán	26
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	26
Điều 47. Báo cáo tài chính năm	26
Điều 48. Báo cáo thường niên	26
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	26
Điều 49. Kiểm toán	26
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	27
Điều 50. Dấu của doanh nghiệp	27
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY	27
Điều 51. Giải thể công ty	27
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	27
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	27
XX. NGÀY HIỆU LỰC	28
Điều 54. Ngày hiệu lực	28

MỤC LỤC


PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	5
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	5
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Thay đổi các quyền	10
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông....	10
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	13
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	18
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	20
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	20

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	20
Điều 32. Người điều hành Công ty	20
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	21
IX. BAN KIỂM SOÁT	21
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	21
Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát	22
Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát	22
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	22
Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	23
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	23
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	23
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	23
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	24
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	25
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	25
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	25
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	25
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	26
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	26
Điều 45. Năm tài chính	26
Điều 46. Chế độ kế toán	26
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	26
Điều 47. Báo cáo tài chính năm	26
Điều 48. Báo cáo thường niên	26
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	26
Điều 49. Kiểm toán	26
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	27
Điều 50. Dấu của doanh nghiệp	27
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY	27
Điều 51. Giải thể công ty	27
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	27
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	27
XX. NGÀY HIỆU LỰC	28
Điều 54. Ngày hiệu lực	28

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
1	2	3	4
1	<p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 được áp dụng từ 01/7/2006; - Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần; - Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt phương án cổ phần hóa và quyết định chuyên doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn thành Công ty cổ phần. <p>Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa đã nhất trí thông qua và cam kết thực hiện nội dung của bản Điều lệ này; <i>đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 so với bản Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12/11/2004 của Công ty.</i></p> <p>Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày tháng ... năm ...</p>
2	<p>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây có nghĩa như được quy định dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Luật Doanh nghiệp: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005; b. Pháp luật: có nghĩa là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm, được áp dụng hiện hành; c. Ban điều hành: có nghĩa là Tổng giám đốc Công ty, các Giám đốc khối nghiệp vụ và Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành Công ty; d. Giám đốc khối nghiệp vụ (gọi tắt là Giám đốc): có nghĩa là người đứng đầu các khối nghiệp vụ tại văn phòng công ty, điều hành các mặt SXKD, có quyền hạn sau Tổng giám đốc và trên các trưởng phòng; e. Cán bộ chủ chốt: có nghĩa là Trưởng các phòng ban và 	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; đ) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>Trường các đơn vị trực thuộc;</p> <p>f. Cán bộ quản lý: Tổng giám đốc, các Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng và các cán bộ chủ chốt.</p> <p>g. Cổ đông: có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu;</p> <p>2. Trong bản Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không làm ảnh hưởng tới cấu trúc của bản Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong bản Điều lệ này.</p> <p>5. Các ký hiệu viết tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa được gọi tắt là Điều lệ; - Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa được gọi tắt là Công ty; - Đại hội đồng cổ đông được viết tắt là ĐHĐCĐ; - Hội đồng quản trị được viết tắt là HĐQT; - Ban kiểm soát được viết tắt là BKS; - Ban điều hành được viết tắt là BDH; - Kiểm soát viên được viết tắt là KSV; - Tổng giám đốc được viết tắt là TGD; - Giám đốc được viết tắt là GD; - Đơn vị cấp dưới hoặc trực thuộc được viết tắt là ĐVCD hoặc ĐV TT - Cổ đông được viết tắt là CD; - Vốn điều lệ được viết tắt là VDL; - Vốn Nhà nước được viết tắt là VNN; - Sản xuất kinh doanh được viết tắt là SXKD. 	<p>e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>o) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>năm 2019;</p> <p>đ) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương</u>) lần đầu;</p> <p>g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc), <u>Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc)</u>, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) <u>và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty</u>;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>o) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>
3	CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG	II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		CỦA CÔNG TY	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
4	<p>Điều 1. Tên Công ty và hình thức Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA Tên đối ngoại: SAIGON TRAIN JOINT STOCK COMPANY Tên viết tắt: STJC</p> <p>Biểu tượng (Logo): </p> <p>Website (hiện tại) : www.saigonhoaxa.com.vn</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON TRAIN JOINT STOCK COMPANY - Tên Công ty viết tắt: STJC <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Điện thoại: 028.38377660 - Fax: 028.38369031 - E-mail: info@saigonhoaxa.com.vn - Website: www.saigonhoaxa.com.vn <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: - Tên Công ty viết tắt: <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại: - Fax: - E-mail: - Website: <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. <u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn/[...] năm kể từ ngày thành lập.</u></p>
5	<p>Điều 2. Trụ sở và địa bàn hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 837 7660 - (08) 836 7982 - Fax: (08) 836 9031 <p>Công ty hiện có 15 đơn vị trực thuộc đang hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Cà Ná - Ninh Thuận, TP. Nha Trang - Khánh Hòa, TP. Đà Lạt - Lâm Đồng.</p>		
6	<p>Điều 3. Hình thức tổ chức hoạt động của Công ty</p> <p>Là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện góp vốn của các CĐ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; - Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; - Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi VDL; - Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính; - Có Bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của ĐHĐCĐ. 		
7		<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị; 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.¹</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có [...] người đại diện theo pháp luật, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 [Chủ tịch Hội đồng quản trị]; 2. [Giám đốc (Tổng giám đốc)]; 3. ... <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. [Chủ tịch Hội đồng quản trị]; 2. [Giám đốc (Tổng giám đốc)]
8		<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>
9	<p>Điều 4. Mục đích và nội dung hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: <p>Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển SXKD như: xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: <ul style="list-style-type: none"> - Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. - Sản xuất giống thủy sản. Chi tiết: Nuôi thủy sản. 	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: [...] 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: [...]

¹ Bổ sung.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>vụ: khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các CĐ; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho CĐ, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích CĐ.</p> <p>2. Nội dung hoạt động của Công ty:</p> <p>a. Công ty hiện đang kinh doanh các ngành nghề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ khác; - Kinh doanh dịch vụ ăn uống; - Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác; - Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế; - Kinh doanh hàng nội thương; - Mua, bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình, xếp dỡ; - Kinh doanh nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng; - Kinh doanh rượu, bia và nước giải khát các loại; - Đại lý xăng dầu; - Xuất, nhập khẩu hàng hoá; - Kinh doanh bất động sản; - Kinh doanh vận tải hàng, khách; - Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng; - Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả; - Dịch vụ quảng cáo; - Dịch vụ bưu phẩm; - Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; - Nuôi thủy sản; - Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng; - Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; - Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu); 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ). - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy. - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không, Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa. - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu. - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát. - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở). - Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc. Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở). - Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến nông sản. - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng. - Chuẩn bị mặt bằng - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ. - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản. 	

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<ul style="list-style-type: none"> - Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến; - Chế biến nông sản; - Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ); - Cho thuê nhà, xưởng; - Dịch vụ Karaoke; - Bán buôn sắt, thép, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Giáo dục tiểu học - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; - Giáo dục nghề nghiệp; - Đào tạo đại học và sau đại học; - Giáo dục mầm non; - Đào tạo cao đẳng ; - Giáo dục thể thao và giải trí ; - Giáo dục văn hóa nghệ thuật; - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; - Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh trên đất hiện hữu của Công ty; - <i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.</i> <p>b. Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi hoạt động để phục vụ mục đích kinh doanh, điều này do ĐHĐCĐ quyết định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước. - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến. - Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt. - Giáo dục mầm non. - Giáo dục tiểu học. - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông. - Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). - Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở). - Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở). - Giáo dục thể thao và giải trí. - Giáo dục văn hoá nghệ thuật. - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở). - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu). - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản. - Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. - Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập</p>	

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh như: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cổ đông, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích cổ đông.</p>	
10		<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].</p>
11	<p>Điều 5. Thời hạn hoạt động²</p> <p>Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Sài Gòn Hóa xa là vĩnh viễn kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do giải thể hay vì một lý do nào khác phải do ĐHĐCĐ quyết định, phải hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định và thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp.</p>		
12	<p>Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công ty³</p> <p>1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng pháp luật và Điều lệ Công ty;</p>		

² Nội dung này được nhắc tới tại khoản 5 Điều 2 của dự thảo Điều lệ sửa đổi.

³ Nội dung về tổ chức Công ty được quy định tại Điều 10 dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>2. Các CĐ của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận và chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình vào Công ty;</p> <p>3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ;</p> <p>4. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để chịu trách nhiệm quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội và bầu BKS để kiểm tra mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;</p> <p>5. Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là TGD do HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.</p>		
13	<p>Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác</p> <p>Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ của Công ty.</p> <p>Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.</p>		
14	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II</p> <p style="text-align: center;">QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</p>		
15	<p>Điều 8. Quyền hạn của Công ty</p> <p>1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn và tài sản do CĐ đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao quyền sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị SXKD phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả SXKD.</p> <p>3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.</p> <p>4. Kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, kinh doanh những ngành nghề khác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư (kể cả liên doanh-liên kết, góp vốn vào các tổ chức hoặc các doanh nghiệp khác), chủ động mở rộng hoặc thu hẹp quy mô ngành nghề kinh doanh theo khả năng của Công ty và yêu cầu của thị trường.</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>5. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>6. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá).</p> <p>7. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp như: tên, biểu tượng (logo) Công ty, các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa... theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ, pháp luật quốc tế.</p> <p>8. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động; thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và năng lực của người lao động, theo quy định của Luật Lao động, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả SXKD và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Luật Lao động, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>9. Thực hiện quan hệ quốc tế phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.</p> <p>10. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu SXKD theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển và sinh lợi nhuận.</p> <p>11. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không cần dùng, chưa dùng hết công suất hoặc không hiệu quả.</p> <p>12. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...; theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản hoặc các loại tài sản khác thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính, tín dụng hoạt động tại Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>13. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các CĐ sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p> <p>14. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>nước.</p> <p>15. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ các cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào.</p> <p>Các quyền hạn khác theo quy định của Nhà nước và pháp luật.</p>		
16	<p>Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty</p> <p>1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các CĐ về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.</p> <p>2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.</p> <p>3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế và các hợp đồng khác đã ký với các đối tác.</p> <p>4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia thực hiện quy định của Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các Quy chế khác.</p> <p>5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHQĐ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.</p> <p>7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>8. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ và các chế độ tài chính khác; hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>9. Bảo toàn và phát triển vốn.</p> <p>10. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập.</p> <p>11. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.</p> <p>12. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	Công ty chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.		
17	CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
18 19	<p>Điều 10. Vốn điều lệ</p> <p>1. VDL được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam Đồng (VND).</p> <p>2. VDL của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là: 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).</p> <p>3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn thuộc sở hữu của Nhà nước là: (Năm tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) chiếm 30% VDL; - Vốn thuộc sở hữu CĐ khác là: (Mười hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) chiếm 70% VDL. <p>4. Việc tăng giảm VDL do ĐHCĐ quyết định theo quy định của pháp luật và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.</p> <p>Thủ tục đăng ký và xác nhận VDL thực hiện tại phòng công chức Nhà nước thuộc địa phương nơi đặt trụ sở chính.</p> <p>5. VDL chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm vốn lưu động cho hoạt động SXKD; - Đầu tư XD, mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty về chiều sâu và chiều rộng; - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ; - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh, hợp tác kinh doanh; - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản; - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty. 	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là [...] đồng (bằng chữ)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành [...] cổ phần với mệnh giá là [...] đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các <u>thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [...] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này⁴.</u></p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận</p>

⁴ Bỏ nội dung này, vì:

(ii) Đ.120.1 LDN 2020 quy định CTCP hình thành từ CPH ko nhất thiết phải có CĐ sáng lập

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>6. Không sử dụng VDL để chia cho các CĐ dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác nhưng không trái pháp luật).</p> <p>7. Ngoài VDL, Công ty được vay vốn, huy động vốn với các tổ chức cá nhân theo quy định của pháp luật trên nguyên tắc phục vụ cho hoạt động SXKD, hoàn trả đủ, đúng hạn vốn, lãi vay và các nghĩa vụ tài chính khác.</p> <p>8. Công ty có thể điều chỉnh tăng, giảm VDL.</p> <p>Điều 11. Cổ phần</p> <p>1. VDL của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. Số cổ phần ghi trên Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng giá trị cổ phiếu của CĐ mua cổ phần. Công ty phải lập Sổ đăng ký CĐ.</p> <p>2. VDL của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần, <i>mỗi cổ phần trị giá 10.000 VNĐ.</i></p> <p>3. Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông; mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết. Người sở hữu cổ phần phổ thông là CĐ phổ thông.</p> <p>4. Cổ phần của Nhà nước trong Công ty là cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước, có người đại diện và quản lý theo quy định hiện hành.</p> <p>CĐ có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 dưới đây.</p>		<p>khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>
20	<p>Điều 12. Cổ phần phổ thông của CĐ sáng lập</p> <p>Quy định về CĐ sáng lập:</p> <p>CĐ sáng lập là CĐ góp vốn lần đầu với số vốn tối thiểu bằng 10% VDL, tham gia vào việc biểu quyết thông qua bản Điều lệ đầu tiên tại ĐHĐCĐ thành lập của Công ty.</p> <p>Quy định về cổ phần phổ thông của CĐ sáng lập:</p> <p>1. Trong ba năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các CĐ sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; cổ phần phổ thông của CĐ sáng lập có thể được tự do chuyển nhượng cho CĐ sáng lập khác; nhưng chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là CĐ sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. CĐ dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành CĐ sáng lập</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>của Công ty.</p> <p>2. Sau thời hạn ba năm quy định tại khoản 1 Điều này, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của CĐ sáng lập đều bãi bỏ.</p>		
21	<p>Điều 13. Cổ phiếu</p> <p>Cổ phiếu là: chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi danh hoặc không ghi danh.</p> <p>1. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, trụ sở Công ty; - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Số lượng cổ phần và loại cổ phần; - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của CĐ là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của CĐ là tổ chức đối với cổ phiếu ghi danh; - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; - Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; - Số đăng ký tại Sở đăng ký CĐ của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu; <p>2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.</p> <p>Công ty phát hành hai loại cổ phiếu:</p> <p>a. Cổ phiếu ghi danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cổ phiếu thuộc các chủ sở hữu là Nhà nước, thành viên HĐQT; - Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ các nội dung đối với cổ phiếu ghi danh theo quy định trên đây đối với cổ phiếu ghi danh của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty; 	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc⁵ kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc⁶ kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn [...] kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [...] kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>

⁵ Bổ sung

⁶ Bổ sung

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân theo các quy định tại Điều 14 của bản Điều lệ này và các quy định của pháp luật. b. Cổ phiếu không ghi danh: <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu của những CĐ khác ngoài quy định của khoản a Điều này; - Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng VDL; - Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này; <p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi lại cổ phiếu mới nếu CĐ sở hữu cổ phiếu này trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của HĐQT và phải chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới cũng như phải chịu mọi phí tổn.</p>		
22		<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>
23	<p>Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Chào bán cổ phần:</p> <p>a. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là CĐ sáng lập; - Cổ phần chào bán cho tất cả CĐ theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty; - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng (số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu) dành cho người môi giới và bảo lãnh. Mức hoa hồng được xác định bằng số tuyệt đối hoặc bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán nhưng phải được sự chấp thuận của số CĐ đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. - Các trường hợp khác và mức hoa hồng trong các trường hợp 	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>đó do Điều lệ Công ty quy định, cụ thể là 5% trên số cổ phần đã chào bán được.</p> <p>b. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp vào Sổ đăng ký CĐ; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành CĐ của Công ty;</p> <p>c. Sau khi thanh toán đủ tiền cho số cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của CĐ. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, CĐ phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định;</p> <p>d. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về CĐ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký CĐ là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phiếu của CĐ đó trong Công ty;</p> <p>e. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>a. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty và được chuyển nhượng ngay sau khi Công ty chính thức thành Công ty cổ phần. CĐ muốn bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký và làm thủ tục tại trụ sở chính Công ty (nơi phát hành cổ phiếu). Việc làm thủ tục chuyển nhượng phải được giải quyết trong thời hạn tối đa bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chuyển nhượng hợp lệ (có đầy đủ thông tin theo mẫu do Công ty phát hành);</p> <p>b. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT trong thời gian đương nhiệm nếu sau khi thôi giữ các chức danh trên trong thời gian một năm không được chuyển nhượng (trừ những hoàn cảnh đặc biệt được HĐQT thông qua);</p> <p>c. Cổ phiếu thuộc VNN bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần được chuyển nhượng theo quy định, cho thừa kế và các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>d. Trong trường hợp ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ phần của CĐ sáng lập được chuyển nhượng cho CĐ sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cho người khác không phải là CĐ sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, CĐ dự định</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành CĐ sáng lập của Công ty;</p> <p>e. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự chấp thuận của HĐQT. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các CĐ xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, HĐQT thông báo rõ lý do cho các CĐ;</p> <p>f. Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và được xác định tại bản Điều lệ này;</p> <p>g. Các quy định khác về chào bán và chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Điều 87 “Chào bán và chuyển nhượng cổ phần” của Luật Doanh nghiệp.</p>		
24	<p>Điều 15. Thừa kế cổ phần</p> <p>1. Trường hợp CĐ qua đời, Công ty công nhận cho những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người thừa kế duy nhất theo luật định; - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật. <p>2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành CĐ mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của CĐ mà họ kế quyền.</p>		
25	<p>Điều 16. Phát hành thêm cổ phần</p> <p>1. Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông phải được ĐHĐCĐ quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.</p> <p>2. Cổ phần phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào Sổ đăng ký CĐ.</p> <p>3. CĐ của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số phần hiện đang nắm giữ.</p> <p>4. Các quy định khác về phát hành thêm cổ phần phổ thông phải được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.</p>		
26	<p>Điều 17. Chào bán cổ phần riêng lẻ</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phần riêng lẻ thì phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.		
27	<p>Điều 18. Phát hành trái phiếu⁷</p> <p>1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu... phải được thông qua ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Mọi quy định khác về phát hành trái phiếu phải thực hiện theo Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác liên quan.</p>		
28			<p><u>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)⁸</u></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng</p>

⁷ Nội dung về phát hành trái phiếu được nhắc tới tại Điều 8 của dự thảo Điều lệ sửa đổi

⁸ Nội dung này không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, do SHX đã tồn tại lâu rồi, không phải là doanh nghiệp đang tiến hành ĐKKD

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p><u>vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</u></p> <p><u>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bi thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</u></p>
29	<p>Điều 19. Quy định chung về CD</p> <p>1. CD của Công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.</p> <p>2. CD được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký CD lưu giữ tại Công ty.</p> <p>a. Người đại diện theo pháp luật của CD tại Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người trực tiếp quản lý phần VNN tại Công ty có thể trúng cử vào HĐQT nếu được ĐHĐCD bầu; - Đối với các pháp nhân và thể nhân Việt Nam khác, người đại diện CD tại Công ty cổ phần là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó. <p>b. Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó là đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác;</p> <p>c. CD là cá nhân có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty;</p> <p>d. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. CD muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty;</p> <p>e. Các CD có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm CD phải được sự chấp thuận của các CD này bằng văn bản;</p> <p>f. Trong trường hợp một CD pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ CD cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì CD pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT xử lý về CD, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp CD pháp nhân giải thể thì cổ</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	phần của CĐ này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.		
30		V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
31		<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 3. Tổng giám đốc. 	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. [Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát <u>(trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp)</u>]. 3. [Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán <u>trực thuộc Hội đồng quản trị (trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp)</u>]. 4. <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc).
32		VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
33	<p>Điều 20. Quyền lợi của CĐ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. CĐ có các quyền sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ; b. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng CĐ trong Công ty; c. Được chuyển nhượng cổ phần của mình cho CĐ khác và cho người không phải CĐ, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 14 của bản Điều lệ này. d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách CĐ có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ; f. Khi Công ty giải thể, hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty; g. Đề cử, ứng cử người vào HĐQT nếu thỏa mãn khoản 3 Điều này; đề cử, ứng cử người vào BKS. h. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và 	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; 	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tất cả các CĐ được quyền tham dự các cuộc họp của ĐHĐCĐ và mỗi cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết tại Đại hội.</p> <p>3. CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT.</p> <p>4. CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;</p> <p>c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải làm bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với CĐ là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với CĐ là tổ chức; số lượng cổ phần tại thời điểm đăng ký cổ phần của từng CĐ, tổng số cổ phần của cả nhóm CĐ và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>d. Các quyền khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.</p> <p>5. CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của CĐ, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với CĐ là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với CĐ là tổ chức; số</p>	<p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ</p>	<p>quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><u>[Các quyền đối với các loại cổ phần khác]⁹</u></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên [hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty] có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng</p>

⁹ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi do Công ty chỉ có 1 loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng CĐ, tổng số cổ phần của cả nhóm CĐ và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>đồng và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
34	<p>Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của CD</p> <ol style="list-style-type: none"> Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký. Chấp hành Điều lệ Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, BDH và BKS. Chịu trách nhiệm hữu hạn về số lỗ và những khoản nợ của Công ty tương ứng với số cổ phần sở hữu. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định. 	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		ro tài chính đối với Công ty. 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. [Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác]
35	Điều 22. Trả cổ tức 1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho CĐ khi Công ty hoạt động có lãi; đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. 2. Danh sách CĐ có quyền nhận cổ tức: Trong thời hạn chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách CĐ có quyền nhận cổ tức trên cơ sở Sổ đăng ký CĐ của Công ty; xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Việc thông báo các nội dung liên quan về trả cổ tức cho từng CĐ phải được thực hiện chậm nhất mười lăm ngày trước mỗi lần chi trả. 3. Trường hợp CĐ chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoảng thời gian năm giữa ngày đã lập xong danh sách CĐ và ngày chia cổ tức thì CĐ chuyển nhượng sẽ được nhận cổ tức. 4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền (tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của CĐ) hoặc bằng cổ phần của Công ty. Các quy định khác về trả cổ tức phải thực hiện theo Điều 93 và Điều 94 của Luật Doanh nghiệp.		
36	CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
37	Điều 23. Đại hội đồng cổ đông 1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các CĐ có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm: ĐHĐCĐ thành lập, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường. 2. ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng CĐ tham gia tối thiểu quy định	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>tại các Điều 24, 25, 26 của bản Điều lệ này.</p> <p>3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các CĐ và đại diện nắm giữ từ 65% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các CĐ dự họp thông qua.</p>	<p>quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này</p>	<p>ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại¹⁰</p>	<p>hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p><u>[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông¹¹. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]¹²</u></p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
38	<p>Điều 24. ĐHĐCĐ thành lập</p> <p>1. Thành phần tham gia ĐHĐCĐ thành lập là các CĐ sở hữu hoặc đại diện cho ít nhất 1% tổng số cổ phần phổ thông và mỗi cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết tại Đại hội.</p>		

¹⁰ Tại Điều lệ mẫu, nội dung này áp dụng cho trường hợp cổ đông triệu tập ĐHĐCĐ bất thường. Khi đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, nội dung này được chuyển thành 1 khoản cho tương đương với khoản 6 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

¹¹ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi phần này vì là quy định cũ tại LDN 2005. LDN 2014, 2020 đã bỏ quy định này

¹² Nội dung được chuyển thành khoản 5 của Điều này của dự thảo Điều lệ sửa đổi (cho tương đương cấu trúc trong Luật Doanh nghiệp)

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>2. ĐHĐCĐ thành lập chỉ hợp lệ khi có số CĐ tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. ĐHĐCĐ thành lập có nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty; - Xác định các thủ tục thành lập Công ty; - Bầu HĐQT và BKS; - Thông qua chiến lược SXKD và phương hướng SXKD dài hạn; - Thông qua phương án SXKD; - Quyết định cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty; - Những vấn đề cần thiết khác. 		
39	<p>Điều 25. ĐHĐCĐ thường niên</p> <p>1. Thành phần tham gia ĐHĐCĐ thường niên là các CĐ có tên trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ và mỗi cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết tại đại hội.</p> <p>2. ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm phải họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trong thời hạn này, Công ty phải lập xong báo cáo tài chính năm của năm tài chính trước đó.</p> <p>3. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ thường niên là khi có số CĐ đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Các điều kiện khác quy định cho ĐHĐCĐ lần tiếp theo, nếu lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, thì thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 102 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ thường niên:</p> <p>a. Kiểm tra tư cách của CĐ tham dự đại hội trong đó Ban kiểm tra tư cách đại biểu phải có ít nhất một thành viên của BKS đương nhiệm;</p> <p>b. Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính hàng năm do Công ty lập hoặc đã được kết luận kiểm tra thuế, kiểm toán độc lập nêu đã xong. (Còn nếu Báo cáo tài chính của Công ty có sai biệt so với kết luận kiểm tra thuế hoặc của công ty kiểm toán độc lập thì giao cho TGD chỉ đạo xử lý số liệu tài chính kế toán theo quy định hiện hành của nhà nước; số chênh lệch này sẽ được báo cáo vào ĐHĐCĐ của năm kế tiếp).</p> <p>c. Thảo luận và thông qua các báo cáo như: Báo cáo của</p>	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50%¹³ tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>

¹³ Giữ mức quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>HDQT về thực trạng tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh; báo cáo của BKS về tình hình hoạt động của Công ty, về quản lý Công ty của HDQT và TGD; báo cáo của TGD điều hành;</p> <p>d. Thông qua đề nghị của HDQT về: phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ;</p> <p>e. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ SXKD và đầu tư của năm tài chính mới;</p> <p>f. Quyết định việc tăng giảm VDL và phát hành thêm cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...;</p> <p>g. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HDQT, BKS, BĐH gây thiệt hại cho Công ty;</p> <p>h. Bầu thành viên HDQT và BKS nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HDQT và BKS theo quy định của Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi khác của HDQT và BKS;</p> <p>j. Thông qua Điều lệ Công ty bổ sung, sửa đổi (nếu cần);</p> <p>k. Quyết định mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi báo cáo tài chính gần nhất và mua lại trên 10% cổ phần của mỗi loại đã phát hành;</p> <p>l. Quyết định các vấn đề khác.</p>	<p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	<p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50%¹⁴ tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp</p>

¹⁴ Giữ mức quy định của Điều lệ hiện hành, và phù hợp với nội dung tại điểm d khoản 1 Điều này.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			luật và Điều lệ này. 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
40	<p>Điều 26. ĐHĐCĐ bất thường</p> <p>1. Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường: Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT; - Trưởng BKS hoặc 2/3 thành viên BKS; - CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần phổ thông; - Các quy định khác về thời hạn triệu tập, trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại đối với Công ty, chương trình và nội dung cuộc họp, thông tin giải quyết khiếu nại, các vấn đề khác v.v... đến ĐHĐCĐ bất thường phải thực hiện theo khoản 4,5,6,7 và 8 Điều 97 của Luật Doanh nghiệp. <p>2. ĐHĐCĐ bất thường là hợp lệ nếu có số CĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện cho trên 2/3 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: triệu tập lần thứ nhất; - Đại diện cho trên 1/2 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: triệu tập lần thứ hai. <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường; - Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, KSV vi phạm Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty hoặc bị khuyết vì những lý do bất thường; - Xem xét xử lý các vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh bất thường trong Công ty hoặc những vấn đề tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng; - Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác. <p>4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		
41	<p>Điều 27. Danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ và việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>Danh sách CĐ:</p>	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>1. Danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký CĐ của Công ty. Danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất trước mười lăm ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với CĐ là cá nhân); tên, trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với CĐ là tổ chức), số lượng cổ phần mỗi loại của từng CĐ.</p> <p>3. Mỗi CĐ đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>4. CĐ có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>5. CĐ có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:</p> <p>1. CĐ là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của CĐ là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ và thực hiện các quyền khác của một đại biểu dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Người đại diện không nhất thiết là CĐ của Công ty.</p> <p>3. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, theo mẫu của Công ty, phải có chữ ký hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp của cả người ủy quyền và của người được ủy quyền; người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội chậm nhất trước giờ khai mạc Đại hội.</p> <p>4. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của CĐ là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của CĐ và người được ủy quyền dự họp; trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của CĐ và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần, người được ủy</p>	<p>là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị hoặc Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc đại hội và phải được Hội đồng quản trị hoặc Ban tổ chức xác nhận¹⁵.</p>	<p>cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. <u>Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</u></p> <p>a) <u>Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p>b) <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u></p> <p>c) <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u></p> <p><u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhân được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.¹⁶</u></p>

¹⁵ Đây là nội dung của Điều 27 Điều lệ hiện hành, được đưa vào để thay thế nội dung không rõ nghĩa của Điều lệ mẫu.

¹⁶ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi do câu văn của Điều lệ mẫu lủng củng, không rõ nghĩa. Nội dung này sẽ được thay bằng nội dung của Điều 27 của Điều lệ hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.</p> <p>6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT và Ban tổ chức ĐHĐCĐ chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc đại hội và phải được HĐQT, Ban tổ chức ĐHĐCĐ xác nhận.</p>		
42		<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 ¹⁷Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 19, 20 và 21</u> Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần</p>

¹⁷ Cập nhật tham chiếu.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
43	<p>Điều 28. Chương trình và nội dung ĐHĐCĐ</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách CĐ có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các CĐ có quyền dự họp.</p> <p>2. CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên CĐ, số lượng từng loại cổ phần của CĐ, số và ngày đăng ký CĐ tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.</p>	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13¹⁸ Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [<u>nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn</u>]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>

¹⁸ Cập nhật tham chiếu.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Phiếu biểu quyết; c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11¹⁹ Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11²⁰ Điều lệ này; c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương</p>	<p>phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn] (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát²¹</u>; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 <u>Điều 12</u> Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy

¹⁹ Cập nhật tham chiếu cho phù hợp với dự thảo Điều lệ sửa đổi.

²⁰ Cập nhật tham chiếu.

²¹ Đề nghị bỏ. Nội dung này không phù hợp thực tế ở SHX và Luật Doanh nghiệp không quy định điều này. Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155 cũng chỉ yêu cầu công bố thông tin trước trong trường hợp đã xác định được ứng viên.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<p>định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
44		<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên²².</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 50%²³ tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên <u>[50%] tổng số phiếu biểu quyết [hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]</u>.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất [nếu Điều lệ công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, [nếu Điều lệ công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành</p>

²² Sửa tỷ lệ trên 50% ở Điều lệ mẫu thành nội dung: từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Tại Điều lệ hiện hành, đối với ĐHCĐ thường niên là từ 65% trở lên, đối với ĐHCĐ bất thường là “trên 2/3”. Đề xuất chỗ này dùng chung tỷ lệ là từ 65% trở lên.

²³ Sửa từ 33% lên 50%. 50% là quy định tại Điều lệ hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
45	<p>Điều 29. Thể thức triệu tập và tiến hành các ĐHĐCĐ</p> <p>1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các CĐ có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc (do CĐ cung cấp) của CĐ. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ của CĐ hoặc người ủy quyền của CĐ, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo phải có mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Công ty phải công bố trên trang điện tử tất cả thông báo mời họp và tài liệu kèm theo trên, đồng thời với việc gửi thông báo cho các CĐ.</p> <p>2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách CĐ đến ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng nhưng phải thỏa mãn khoản 3 Điều này.</p> <p>3. CĐ có tên trong danh sách CĐ có quyền dự họp được tham dự đại hội. Những vấn đề được số CĐ đại diện trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đề nghị được đưa vào chương trình đại hội. Các CĐ không đủ số cổ phần cần thiết phải tự nhóm lại để cử đại diện tham gia đại hội.</p> <p>4. Những CĐ không đến dự đại hội được phép ủy quyền cho người đại diện thay thế.</p> <p>5. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận tư cách của CĐ hoặc người đại diện tham dự đại hội; lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu đại diện); tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các CĐ có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết cho những vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.</p> <p>6. ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường do HĐQT triệu tập thì Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến²⁴. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định²⁵. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp²⁶ [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</u></p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>

²⁴ Trùng khoản 5 Điều này

²⁵ Bỏ câu này vì đây là điều phi thực tế, và Luật Doanh nghiệp đã bỏ câu này.

²⁶ Trùng khoản 5 Điều này.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì có thể ủy nhiệm cho một thành viên HĐQT làm chủ tọa hoặc các thành viên còn lại của HĐQT bầu ra một người làm chủ tọa. ĐHĐCĐ thành lập thì CĐ sáng lập đại diện phần VNN hoặc Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp làm Chủ tọa hoặc có văn bản ủy quyền cho người đại diện khác làm chủ tọa; trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>7. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho CĐ.</p> <p>8. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>9. Chủ tọa và thư ký họp ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hữu hiệu, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>10. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số biểu quyết tán thành và số biểu quyết không tán thành, sau đó cộng lại từng loại và chủ tọa phải công bố ngay kết quả.</p> <p>11. Chủ tọa cử một người làm thư ký đại hội.</p> <p>12. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu; ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>13. Biên bản ĐHĐCĐ được ghi vào sổ Biên bản, có chữ ký của chủ tọa đoàn, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của chủ tọa đoàn, Chủ tịch HĐQT, hoặc các ủy viên HĐQT.</p> <p>14. Đại biểu đương nhiên dự ĐHĐCĐ thường niên và bất thường là các thành viên HĐQT, BKS, BĐH và các CĐ có tên trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Các quy định khác của thể thức tiến hành kỳ họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 103 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp²⁷.</u></p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội</p>

²⁷ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, do nội dung trùng lặp khoản a điểm 1 Điều này.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p>trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
46	<p>Điều 30. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội</p> <p>1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi:</p> <p>a. Được số CĐ đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất</p>	<p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75%²⁸ tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50%²⁹ tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>d) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65%³⁰ tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp³¹.</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</u>.³²</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <u>trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u></p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>

²⁸ Sửa từ 65% thành 75% để giữ nguyên tỷ lệ ở Điều lệ hiện hành.

²⁹ Sửa từ 35% thành 50% do Điều lệ hiện hành quy định nội dung này là 50% (LDN cho phép).

³⁰ Sửa từ 50% thành 65% để giữ nguyên tỷ lệ ở Điều lệ hiện hành.

³¹ Bổ sung. Phần nội dung bổ sung này khi được đặt ở Điều này nhìn có vẻ không hợp, tuy nhiên với cấu trúc Điều lệ mẫu thì ko thể đưa nội dung này xuống phần HĐQT, do vậy nó được đặt tại Điều này, tương đương với cấu trúc bên Luật Doanh nghiệp.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>cả các CĐ dự họp chấp thuận;</p> <p>b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán bằng hoặc hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số CĐ đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả CĐ dự họp chấp thuận.</p> <p>3. Các quy định khác của việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 104 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.</p>	<p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>e) <u>[Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định]</u>.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
47	<p>Điều 31. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến CĐ bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến CĐ bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến CĐ bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;</p> <p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng CĐ;</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</p>	<p>Điều 21. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17³³ Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 22. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp <u>[nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]</u>.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <u>[nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn]</u>³⁵. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18</p>

³² Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, vì nội dung này ở Điều lệ hiện hành nằm ở nhóm tỷ lệ 65%

³³ Cập nhật tham chiếu

³⁵ Bỏ, do đã chọn thời hạn tối thiểu 10 ngày.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>CĐ là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của CĐ hoặc đại diện theo ủy quyền của CĐ là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của CĐ;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của CĐ là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của CĐ là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của CĐ không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số CĐ với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách CĐ tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết,</p>	<p>Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các CĐ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số CĐ đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận trừ những điều được quy định tại Điều 34 của bản Điều lệ này.</p> <p>9. Quyết định được thông báo theo hình thức lấy ý kiến CĐ bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65%³⁴ tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>

³⁴ Điều lệ hiện hành quy định là 75%. Sửa thành “ít nhất 65%” vì các nội dung lớn đã nằm ở nhóm 75% (Điều lệ hiện hành & dự thảo Điều lệ sửa đổi) và được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp (khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp).

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định] và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
48	<p>Điều 32. Chi phí tổ chức ĐHĐCĐ³⁶</p> <p>Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do CĐ tự trang trải.</p>		
49	<p>Điều 33. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ Biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số CĐ và tổng số phiếu biểu quyết của các CĐ dự họp;</p> <p>g. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;</p> <p>i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả CĐ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách CĐ đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên</p>	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ</p>

³⁶ Nội dung này được thể hiện tại Đ.14.5 DL dự thảo.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>
50	<p>Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, CĐ, thành viên HĐQT, TGD, BKS có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quyết định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20³⁷ Điều lệ này.</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ</p>

³⁷ Cập nhật tham chiếu.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	trường hợp quy định tại <u>khảo 3 Điều 21</u> Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
51	CHƯƠNG V QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
52	Điều 35. Hội đồng quản trị 1. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần VNN tại Công ty quyết định người trực tiếp quản lý phần VNN tham dự ứng cử vào HĐQT. 3. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT hoặc bãi miễn Chủ tịch HĐQT bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.		
53	Điều 36. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên HĐQT (gọi tắt là ứng viên) Ứng viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau: 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Là CĐ hoặc người được ủy quyền làm đại diện hợp pháp cho CĐ pháp nhân, thể nhân và cá nhân mà không nhất thiết phải là CĐ; có số cổ phần sở hữu hoặc được cơ quan có thẩm quyền quyết định trực tiếp quản lý VNN hoặc được nhà đầu tư ủy quyền đại diện vốn (gọi tắt là được ủy quyền) có số vốn sở hữu hoặc được ủy quyền từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT (nếu CĐ có số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền này gấp nhiều lần tỷ lệ trên thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng). 3. Thành viên của HĐQT không được cùng là thành viên HĐQT của quá hai công ty cổ phần khác; thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp SXKD của Công ty. 4. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. 5. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp. 6. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ tịch, và một thành	Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>viên thường trực HĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.</p> <p>7. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm TGD nhưng phải được ĐHCĐ thông qua hàng năm.</p> <p>8. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản trị Công ty.</p>	<p>lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5%³⁸ tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Với mỗi 5% tổng số cổ phần phổ thông sở hữu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị.³⁹</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty</u> có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và <u>[Điều lệ công ty]</u>.⁴⁰</p>
54		<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05⁴¹ người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [.....] người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả</p>

³⁸ Sửa từ 10% thành 5% cho phù hợp DL hiện hành và LDN.

³⁹ Bổ sung. Đây cũng là nội dung ở Đ.36.2 DL hiện hành, được diển tả lại.

⁴⁰ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi và Điều lệ mẫu không có quy định cụ thể về tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

⁴¹ Sử dụng mức quy định tại DL hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p><u>[Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp], cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.⁴²</u></p> <p><u>[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</u></p> <p><u>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u></p> <p><u>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u></p> <p><u>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>

⁴² Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, do hiện tại mô hình của Công ty theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].</p>
55	<p>Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT</p> <p>1. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty đề ra phương hướng tổ chức thực hiện hoạt động SXKD, tổ chức bộ máy hoạt động; quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. HĐQT chịu trách nhiệm trước CĐ:</p> <p>a. Quản trị Công ty theo Điều lệ; nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ đúng luật pháp;</p> <p>b. Trình ĐHĐCĐ quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty, phương án đầu tư của Công ty; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty; - Tăng giảm VDL và chuyển nhượng vốn cổ phần (loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại); - Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...; - Chương trình thực hiện các đề án cụ thể; <p>c. Báo cáo trình ĐHĐCĐ: các báo cáo hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức;</p> <p>d. Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định tiền lương, tiền thưởng của những chức danh do HĐQT trực tiếp quản lý; thông qua các nội dung trên đối với các chức danh do TGD trực tiếp quản lý gồm: Trưởng các phòng, Trưởng các bộ phận, Trưởng các ĐVTT do TGD đề xuất; trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, HĐQT được quyền yêu cầu TGD bổ nhiệm, miễn</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50%⁴³ tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ</u></p>

⁴³ Sử dụng mức quy định tại Điều lệ hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>nhiệm và cách chức một hay nhiều chức danh do TGD trực tiếp quản lý.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm TGD thì mức lương và thưởng của TGD do ĐHĐCĐ quyết định;</p> <p>f. Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của TGD và các chức danh do HĐQT trực tiếp quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;</p> <p>g. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Quyết định triệu tập, duyệt chương trình và nội dung, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;</p> <p>i. Quyết định và tuân thủ thực hiện Quy chế Hoạt động, Quy chế Tổ chức, Quy chế Tuyển dụng và cho thôi việc nhân viên Công ty, Quy chế phân phối tiền lương và thu nhập, Quy chế Tài chính và các Quy chế khác của Công ty;</p> <p>j. Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của TGD;</p> <p>k. Quyết định mức bồi thường vật chất người lao động gây thiệt hại cho Công ty;</p> <p>l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định phương án đầu tư các dự án, đầu tư tài chính (góp vốn, mua cổ phần, liên doanh liên kết v.v... vào các tổ chức hoặc doanh nghiệp khác); thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, đầu tư... có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cũng như được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư mà các nội dung này đã được đã thông qua ĐHĐCĐ như đã ghi ở Điều 30 của bản Điều lệ này;</p> <p>m. Quyết định cơ cấu tổ chức, việc thành lập hay giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>n. Quyết định giá chào bán cổ phần và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...; của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng...;</p>	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p><u>công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp⁴⁴;</u></p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm</u></p>

⁴⁴ Cả khoản h này quá rối, có lẽ do lỗi đặt sai dấu ngoặc. Đề xuất sửa thành: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>o. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại trong mỗi mười hai tháng và giá mua lại;</p> <p>p. Đề xuất mức cổ tức được trả hàng năm và các mức chi trả cổ tức tạm thời, quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình SXKD;</p> <p>q. Quyết định việc đầu tư và quan hệ quốc tế;</p> <p>r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.</p> <p>3. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật.</p> <p>4. HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của TGD nếu xét thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quy định của HĐQT.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.</p> <p>6. Cùng với BKS chọn công ty kiểm toán độc lập.</p> <p>7. Xem xét và ủy quyền cho TGD khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.</p> <p>8. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.</p> <p>9. Sau ĐHCĐ thành lập, những người được bầu vào các chức danh HĐQT thực hiện việc bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu... của Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn cho Công ty cổ phần và tiếp tục thực hiện các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp. HĐQT hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.</p> <p>10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p>		<p><u>toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế về công bố thông tin của công ty⁴⁵.</u></p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
56	<p>Điều 38. Thể thức bầu, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT</p> <p>1. HĐQT có năm thành viên do ĐHCĐ bầu ra. Thành viên của HĐQT được trúng cử với số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các CĐ dự họp theo thể thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi CĐ có tổng số phiếu biểu quyết</p>		

⁴⁵ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi. Do hiện tại (i) SHX đang ở mô hình không có UB kiểm toán, và (ii) Quy chế về CBTT đã được ban hành, quy chế này là do HĐQT xây dựng, thông qua nên đương nhiên là do HĐQT ban hành. Luật Doanh nghiệp cũng không có quy định về toàn bộ nội dung ở khoản q này.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và CĐ có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên⁴⁶.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</p> <p>4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là CĐ của Công ty.</p>		
57		<p>Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.</p> <p>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý</p>	<p>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.</p> <p>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền</p>

⁴⁶ Việc bầu HĐQT được nhắc tới tại khoản 2 Điều 21 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.]</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
58		<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm,</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>[theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]</u>. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>
59	<p>Điều 39. Cuộc họp HĐQT</p> <p>1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất một quý một lần. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập bất cứ khi nào thấy cần thiết.</p> <p>2. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp phiên bất thường theo yêu cầu của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT; - Ít nhất hai thành viên HĐQT; - BKS hoặc Trưởng BKS; - TGD hoặc ít nhất năm người quản lý khác; - CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng. <p>Yêu cầu phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p> <p>3. Địa điểm họp HĐQT: HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở một nơi khác.</p> <p>4. Các hình thức khi thông qua quyết định của HĐQT:</p> <p>a. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng cách biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc bằng cách hỏi ý kiến</p>	<p>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị. <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) <u>[Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định]</u>.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>thông qua thư tín, qua Fax;</p> <p>b. Quyết định của HĐQT tại cuộc họp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc họp HĐQT họp lệ khi có hơn 2/3 số thành viên tham dự; + Quyết định của HĐQT được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng. <p>5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p> <p>6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và TGD như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>Thành viên BKS, TGD không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>9. HĐQT có một thư ký chuyên trách để thực hiện các việc mang tính tổng hợp, phân tích số liệu, tài liệu, làm công việc hành chính, ghi biên bản và các công việc khác của HĐQT.</p> <p>Điều 40. Biên bản họp HĐQT</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01⁴⁷ ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, 	<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>[03 ngày]</u> làm việc trước ngày họp <u>[theo Điều lệ công ty không có quy định khác]</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác <u>do Điều lệ công ty quy định</u> và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <u>[07 ngày]</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, <u>[trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]</u>.</p>

⁴⁷ Sử dụng quy định tại Điều lệ hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>ngoài, các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT</p> <p>2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.</p>	<p>fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. Biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp⁴⁸.</p>	<p>Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác <u>[theo quy định trong Điều lệ công ty]</u>.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. <u>[Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn]</u>, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>
60	<p>Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT⁴⁹</p> <p>1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn</p>		

⁴⁸ Bổ sung do Điều lệ mẫu không có nội dung nào quy định về Biên bản họp HĐQT

⁴⁹ Nội dung này được nhắc tới tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>vi trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.</p>		
61	<p>Điều 42. Trường hợp mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT⁵⁰</p> <p>1. Thành viên HĐQT bị mất tư cách trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết, mất trí, mất quyền công dân; - Từ chức; xin nghỉ việc không làm; - CĐ pháp nhân mất tư cách pháp nhân; - Mất tư cách đại diện cho CĐ pháp nhân; - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của Tòa án. <p>2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 tại bản Điều lệ này; b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn xin từ chức. <p>3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất kỳ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p>		
62	<p>Điều 43. Trường hợp khuyết thành viên HĐQT</p> <p>1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc là thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi ĐHĐCĐ gần nhất.</p> <p>3. Trường hợp giảm quá 1/3 số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn sáu mươi ngày bầu để bổ sung.</p> <p>4. Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ gần</p>		

⁵⁰ Nội dung này được nhắc tới tại khoản 4 Điều 25 dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	nhất quyết định.		
63	<p>Điều 44. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT</p> <p>1. HĐQT gồm một Chủ tịch và các thành viên và Chủ tịch HĐQT phải ủy quyền người thay thế công việc điều hành của mình khi vắng mặt.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện hợp pháp cho Công ty trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn sau⁵¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Triệu tập các phiên họp của HĐQT; b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT; d. Được ký những văn bản, quyết định và giải quyết công việc theo chức danh của mình; e. Lập chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của HĐQT; phân công công tác cho các thành viên để thực hiện việc điều hành, kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty; f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; g. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình; h. Chủ tọa ĐHĐCĐ. <p>3. Các thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ đã được HĐQT phân công; b. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ; c. Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình; d. Tham gia phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các 		

⁵¹ Nội dung về Chủ tịch HĐQT được nhắc tới tại Điều 28 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>vấn đề thuộc nhiều phiên họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những hành vi của mình;</p> <p>e. Thực hiện Điều lệ Công ty; nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT;</p> <p>f. Thành viên HĐQT là đại diện, quản lý phần VNN tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định hiện hành của Nhà nước;</p> <p>g. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đi vắng, thành viên HĐQT nào được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thay thế công việc phải thực hiện đúng chức trách, nội dung công việc được phân công và chịu trách nhiệm khi thực hiện việc ủy quyền đó;</p> <p>h. Những quy định khác về quyền hạn và trách nhiệm trước pháp luật.</p>		
64	<p>Điều 45. Quyền lợi của thành viên HĐQT⁵²</p> <p>1. Thành viên HĐQT hưởng tiền lương (nếu cũng là người lao động của Công ty), thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác; trong đó thù lao được phân phối theo Quy chế trả lương của Công ty, thù lao được trả theo công việc, tiền thưởng được hưởng theo mức hoặc tỷ lệ dựa trên kết quả kinh doanh.</p> <p>Việc lựa chọn loại hình, phương thức tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tỷ lệ chi trả, các lợi ích khác do ĐHĐCĐ thường niên quyết định.</p> <p>2. Thù lao và mọi chi phí hoạt động khác của HĐQT như chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí hợp lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm (cùng với tiền lương của TGD) và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.</p>		
65		<p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành</p>

⁵² Nội dung về lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được nhắc tới tại Điều 27 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [<u>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u>] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>
66			<p><u>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty⁵³</u></p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>3. <u>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p>b) <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p>c) <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p>đ) <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u></p>

⁵³ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi. Đây là nội dung quy định bắt buộc ở công ty niêm yết, không bắt buộc ở công ty đại chúng chưa niêm yết.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p>e) <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>g) <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</u></p> <p>h) <u>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p> <p>i) <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p>k) <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].</u></p>
67		VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
68		<p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có <u>Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và [các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm]</u>. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>
69	<p>Điều 46. TGD và cán bộ khác trong BDH</p> <p>1. TGD là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch của quá trình điều hành SXKD.</p> <p>2. TGD là người điều hành hàng ngày mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. TGD do HĐQT thuê dưới hình thức bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức; TGD không nhất thiết phải là CD và có thể là thành viên của HĐQT.</p> <p>3. TGD chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và ĐHCĐ về trách nhiệm quản lý, điều hành Công ty.</p> <p>4. Giúp việc cho TGD có các GD nghiệp vụ và Kế toán trưởng (có Quy chế Tổ chức quy định cụ thể) do HĐQT bổ</p>	<p>Điều 32. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng các giám đốc nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết</p>	<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm <u>Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và [người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty]</u>.</p> <p>2. Theo đề nghị của <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức.</p> <p>5. TGD Công ty phải có đủ các điều kiện sau⁵⁴:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự. Ưu tiên tốt nghiệp Đại học chính quy. Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế-kỹ thuật, có ít nhất năm năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;</p> <p>b. Không kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý nào tại các tổ chức kinh tế khác.</p> <p>c. Các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện khác thực hiện theo Điều 57 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Những cán bộ khác trong BĐH là những cán bộ lãnh đạo được HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho TGD theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao. BĐH ưu tiên là những người ít nhất đã tốt nghiệp đại học chính quy, có đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ và kinh nghiệm quản lý trong kinh doanh theo chuyên môn mình phụ trách, hiểu biết về pháp luật.</p>	<p>định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>động và tổ chức.</p> <p>3. <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>
70	<p>Điều 47. Chức năng và nhiệm vụ của TGD</p> <p>1. Điều hành trực tiếp các công việc hàng ngày, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực mẫn cán vì lợi ích của Công ty và của CĐ Công ty.</p> <p>2. Bảo toàn và phát triển vốn.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>4. Xây dựng và trình HĐQT kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn.</p> <p>5. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).</p> <p>6. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.</p> <p>7. Quyết định và thực hiện những vấn đề về tài chính theo Quy</p>	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc).</p> <p>2. <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty]⁵⁵.</p> <p>4. <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) có các quyền</p>

⁵⁴ Nội dung này được nhắc tới tại khoản 3 Điều 33 dự thảo Điều lệ sửa đổi

⁵⁵ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi do nếu bổ sung thêm tiêu chuẩn Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị sẽ khó tuyển dụng.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>chế tài chính do HĐQT ban hành.</p> <p>8. Được đề nghị HĐQT khen thưởng, kỷ luật các chức danh: GD nghiệp vụ, Kế toán trưởng, trừ những trường hợp HĐQT cần thực hiện trực tiếp.</p> <p>9. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo Quy chế Tổ chức do HĐQT ban hành; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền của TGD được phân cấp trong Quy chế Tổ chức của Công ty; tuyển dụng người lao động theo phân cấp.</p> <p>10. Ký kết các hợp đồng kinh tế và các loại hợp đồng khác theo luật định, theo Điều lệ Công ty và Quy chế Tài chính do HĐQT ban hành.</p> <p>11. Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>12. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.</p> <p>13. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT ủy quyền bằng văn bản.</p> <p>14. Những quy định khác.</p> <p>Điều 48. Quyền hạn và trách nhiệm của TGD</p> <p>1. TGD là người có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh và trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của Công ty.</p> <p>2. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT hay HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái Nghị quyết của ĐHCĐ, trái với các Quy chế do HĐQT ban hành, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS.</p> <p>3. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của HĐQT; khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Luật Lao động và Quy chế Tuyển dụng và cho thôi việc của Công ty; không được tuyển dụng, bổ nhiệm bố mẹ, vợ, con hoặc họ hàng trực hệ ba đời vào các chức danh về kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong toàn Công ty.</p> <p>4. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.</p>	<p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc);</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) mới thay thế.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>5. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.</p> <p>6. Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>7. TGD được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của TGD do HĐQT quyết định và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo HĐQT tại cuộc họp thường niên.</p> <p>8. TGD phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quyết định của HĐQT và hợp đồng lao động ký với Công ty. Nếu gây ra thiệt hại cho Công ty thì sẽ bị HĐQT ngưng thuê trước nhiệm kỳ.</p> <p>9. Những quy định khác theo pháp luật.</p> <p>Điều 49. Ủy quyền - Ủy nhiệm</p> <p>1. TGD Công ty có thể ủy nhiệm cho các GD nghiệp vụ hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình; khi TGD đi vắng, TGD được phép ủy quyền cho một trong các GD nghiệp vụ thay mặt mình điều hành công việc Công ty.</p> <p>2. Người được TGD ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước TGD và trước pháp luật về những công việc mình làm.</p> <p>3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến kinh doanh, tài chính, con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.</p> <p>4. Các GD nghiệp vụ, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, ban, ĐVTT trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình và chịu trách nhiệm trước TGD Công ty và pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.</p> <p>Điều 50. Từ chức, từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách</p> <p>1. Khi TGD muốn từ chức, từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và giải quyết. Khi thôi chức vụ, TGD phải bàn giao đầy đủ công việc cho người kế nhiệm mình.</p> <p>2. TGD đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết, mất trí, mất quyền công dân; - Tự ý bỏ nhiệm sở theo quy định của Luật Lao động; 		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm Điều 13 Luật Doanh nghiệp; - Vi phạm những quy định chủ yếu của Điều lệ này. - Không được HĐQT bổ nhiệm lại. <p>3. Trường hợp TGD bị mất tư cách, HĐQT phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa ba mươi ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm TGD mới.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của TGD và các cán bộ khác trong BDH theo quyết định cụ thể của HĐQT.</p>		
71	<p>Điều 51. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty⁵⁶</p> <p>HĐQT, BDH và các cán bộ chủ chốt của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty, CĐ và xã hội. 2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty (kể cả tài sản vô hình) để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận. 3. TGD phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì TGD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. 4. Thành viên HĐQT, TGD nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty. 5. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì: <ol style="list-style-type: none"> a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết; b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho 		

⁵⁶ Trách nhiệm của người quản lý được quy định tại mục X của dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;</p> <p>c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;</p> <p>d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.</p> <p>6. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác do pháp luật, Điều lệ Công ty, và các Quy chế, văn bản cụ thể khác của Công ty quy định.</p>		
72	<p>Điều 52. Các hợp đồng phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận⁵⁷</p> <p>1. Các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng là HĐQT, BKS, BĐH, các cán bộ chủ chốt, CĐ, người đại diện ủy quyền của CĐ sở hữu trên 35% số cổ phần phổ thông của Công ty, những người có quyền lợi liên quan đến họ.</p> <p>2. Các doanh nghiệp mà HĐQT, BKS, BĐH, các cán bộ chủ chốt có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% VDL.</p> <p>3. Đối với các hợp đồng có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. CĐ hoặc CĐ có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p> <p>4. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký (mức cụ thể cho số nhỏ hơn này được quy định tại Quy chế Tài chính do HĐQT ban hành). Thành viên HĐQT, CĐ có liên quan với bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p> <p>5. Trừ các trường hợp quy định cụ thể trên đây, các quy định còn lại thực hiện theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp hợp đồng quy định trên đây được ký mà chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người ký, người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành viên HĐQT, BĐH, CĐ có liên quan phải bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được</p>		

⁵⁷ Nội dung này được nhắc tới tại khoản 6 Điều 40 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.		
73		IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT <u>HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRƯC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u> <u>[Trường hợp Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này].</u>
74		Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24⁵⁸ Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại <u>[Điều lệ công ty]</u> , Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
75	Điều 53. Ban kiểm soát 1. Là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu và thể thức bỏ phiếu kín. Thành viên của BKS được trúng cử với số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các CĐ dự họp theo thể thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi CĐ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của BKS và CĐ có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03⁵⁹ người . Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị⁶⁰ và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;	Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [... người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

⁵⁸ Cập nhật tham chiếu.

⁵⁹ Sử dụng số lượng quy định tại Điều lệ hiện hành.

⁶⁰ Bổ sung nội dung ở Điều lệ hiện hành.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>2. Là tổ chức thay mặt CĐ để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.</p> <p>3. BKS có ba người do ĐHĐCĐ bầu ra hoặc bãi miễn.</p> <p>4. Các KSV tự bầu ra một người là Trưởng BKS.</p> <p>5. Sau khi ĐHĐCĐ thành lập, BKS được thực hiện kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.</p> <p>Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn KSV</p> <p>1. KSV là phải là công dân Việt Nam, từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phải có trình độ ưu tiên từ đại học chính quy chuyên ngành trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, có ít nhất năm năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn. Trong các thành viên BKS phải có ít nhất một thành viên có trình độ đại học chuyên ngành tài chính kế toán.</p> <p>2. KSV không được là thành viên của HĐQT, BĐH của Công ty, không được là bố mẹ, vợ chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột hoặc người thân thuộc trực hệ ba đời của thành viên HĐQT, BĐH của Công ty.</p> <p>3. Thành viên BKS không giữ các chức vụ quản lý của Công ty; thành viên BKS không nhất thiết phải là CĐ hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>Điều 55. Nhiệm kỳ BKS</p> <p>1. Nhiệm kỳ của KSV cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và có thể được kéo dài thêm chín mươi ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.</p> <p>2. Trong nhiệm kỳ nếu có sự khiếm khuyết KSV thì ĐHĐCĐ gần nhất sẽ bầu thay thế theo phương thức bầu dồn phiếu và thể thức bỏ phiếu kín.</p> <p>Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu ra và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Điều 56. Từ chức, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và mất tư cách KSV</p> <p>1. Trưởng BKS hoặc KSV muốn từ chức, từ nhiệm trước nhiệm kỳ đều phải làm đơn trình lên ĐHĐCĐ.</p> <p>2. KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và mất tư cách khi vi phạm các trường hợp sau:</p>	<p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p><u>c) [Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này].</u></p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 122 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn xin từ chức.</p> <p>3. Ngoài các trường hợp trên, thành viên BKS có thể bị miễn nhiệm bất kỳ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Trường hợp khuyết chức danh KSV trưởng thì số KSV còn lại cử người thay thế ngay và HĐQT phải triệu tập ngay ĐHĐCĐ bất thường để bầu lại.</p> <p>5. Trường hợp khuyết KSV có nghiệp vụ về tài chính kế toán, HĐQT phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung.</p>		
76		<p>Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, ông giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [<u>trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn</u>].</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát <u>sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông</u>.⁶¹</p>
77	<p>Điều 57. Quyền và nhiệm vụ của BKS</p> <p>1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	<p>Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền,</p>

⁶¹ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi. Theo Luật Doanh nghiệp thì Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị chứ không phải là bắt buộc.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.</p> <p>Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</p> <p>5. Khi có yêu cầu của CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và CĐ hoặc nhóm CĐ có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 51 của bản Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>9. BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo</p>	<p>danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</p> <p>Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của BKS⁶²</p> <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>3. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.</p> <p>HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.</p>		<p>pháp luật và [Điều lệ này].</p>
78	<p>Điều 59. Nghĩa vụ của thành viên BKS</p> <p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và CĐ của Công ty.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của Công ty và CĐ Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.</p> <p>Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.</p> <p>Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ</p>		

⁶² Nội dung này được nhắc tới tại khoản 8 Điều 37, khoản 3 Điều 42 dự thảo Điều lệ sửa đổi và Điều 171 Luật Doanh nghiệp

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.		
79	<p>Điều 60. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS⁶³</p> <p>1. Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.</p> <p>3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo tại ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.</p>		
80		<p>Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>
81		<p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân</p>	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p><u>[Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác]</u> thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo <u>quy định sau đây:</u></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác</p>

⁶³ Nội dung này được nhắc tới tại Điều 39 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p> <p><u>[Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 42 đến Điều 46 Điều lệ này]</u></p>
82			<p><u>Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</u></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Điều 43. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</u></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p>a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp [Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].</u></p> <p><u>Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</u></p> <p><u>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</u></p> <p>1. <u>Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</u></p> <p>2. <u>Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</u></p> <p>3. <u>Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</u></p> <p>4. <u>Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</u></p> <p>5. <u>Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></p> <p>6. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</u></p> <p><u>Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</u></p> <p>1. <u>Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng</u></p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p><u>và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</u></p> <p><u>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do [Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán] quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp [Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán] có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</u></p> <p><u>Điều 46. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></p> <p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p> <p><u>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</u></p> <p><u>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];</u></p> <p><u>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</u></p> <p><u>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</u></p> <p><u>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý</u></p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p><u>doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:</u></p> <p><u>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</u></p> <p><u>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;</u></p> <p><u>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông;</u></p> <p><u>h) [Các nội dung khác (nếu có)]⁶⁴.</u></p>
83		<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>
84		<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối</p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa</p>

⁶⁴ Không đưa các Điều 42, 43, 44, 45 ở Điều lệ mẫu vào dự thảo Điều lệ sửa đổi do đây là nội dung áp dụng với mô hình công ty không có Ban kiểm soát.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35%⁶⁵ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35%⁶⁶ hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35%⁶⁷ trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) <u>Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [...%]</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) <u>Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [...%]</u> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng</p>

⁶⁵ Sửa thành “Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35%” cho phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155

⁶⁶ Sửa thành “Đối với giao dịch có giá trị từ 35%” cho phù hợp Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155

⁶⁷ Điền giá trị 35%.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [...] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
85		<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. [Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên].</p>
86		XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY
87		<p>Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p>	<p>Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu trữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là nơi lưu trữ khác đó phải được công bố trên website Công ty; thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty]</u> có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. <u>Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</u></p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
88			XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
89			<p><u>Điều 50. Công nhân viên và công đoàn</u></p> <p><u>1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</u></p>
90		XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
91		<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày</p>	<p>Điều 51. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>
92		XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
93		<p>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 52. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p><u>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản⁶⁸.</u></p>
94		<p>Điều 45. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.</p>	<p>Điều 53. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ... tháng ... hằng năm và kết thúc vào ngày ... tháng ... hằng năm. <u>Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày...tháng...năm.⁶⁹.</u></p>
95		<p>Điều 46. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm</p>	<p>Điều 54. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được</p>

⁶⁸ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi, vì hiện tại thực tế sẽ không thể áp dụng được.

⁶⁹ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi vì nội dung này chỉ phù hợp với giai đoạn đăng ký kinh doanh.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	<p>cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>
96		XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN
97		<p>Điều 47. Báo cáo tài chính năm</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 55. Báo cáo tài chính năm, <u>bán niên</u> và <u>quý</u></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. <u>Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u>⁷⁰</p>
98		<p>Điều 48. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng</p>	<p>Điều 56. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán</p>

⁷⁰ Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi. Nội dung này là bắt buộc với công ty đại chúng quy mô lớn, công ty niêm yết, không bắt buộc với công ty đại chúng bình thường.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		khoán.	và thị trường chứng khoán.
99		XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY
100		<p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Điều 57. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>
101		XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
102		<p>Điều 50. Dấu của doanh nghiệp</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 58. Dấu của doanh nghiệp</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
103	<p>Điều 61. Trình báo cáo hàng năm</p> <p>1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:</p> <p>a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính;</p> <p>c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.</p> <p>2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHCĐ.</p> <p>3. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHCĐ.</p> <p>ĐD sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.</p>		
104	<p>Điều 62. Công khai thông tin về Công ty cổ phần</p> <p>1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả các ĐD.</p> <p>3. Mọi tổ chức, cá nhân liên quan đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.</p>		
105	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VI</p> <p style="text-align: center;">CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</p>		
106	<p>Điều 63. Chế độ và quyền lợi của người lao động</p> <p>1. Chế độ tuyển dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa TGD (hoặc người được TGD ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và theo Quy chế tuyển dụng và cho thôi việc nhân viên do HĐQT ban hành. <p>2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người lao động đang làm việc cho Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành. - Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác do pháp luật quy định và được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện. - Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành 		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Nhà nước.		
107	CHƯƠNG VII CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ		
108	<p>Điều 64. Chế độ kế toán, kiểm toán</p> <p>1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó⁷¹.</p> <p>2. Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành; thực hiện quản lý tài chính theo pháp luật, chế độ hiện hành của Nhà nước và các Quy chế tài chính do HĐQT ban hành.</p> <p>3. Kết thúc mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng cân đối kế toán của Công ty; - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; - Thuyết minh Báo cáo tài chính; - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ; - Các Báo cáo của kế toán quản trị khác theo yêu cầu quản lý của HĐQT. <p>Các bản Báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, TGD, BKS ít nhất trước mười lăm ngày của kỳ ĐHĐCĐ thường niên.</p> <p>5. Sau đại hội, các văn bản, biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu trữ tại văn phòng Công ty theo luật định.</p>		
109	<p>Điều 65. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ</p> <p>1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí 		

⁷¹ Nội dung này được nhắc tới tại Điều 45 dự thảo Điều lệ sửa đổi

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế TNDN.</p> <p>2. Trước khi phân chia cổ tức cho các CĐ phải trích lập các quỹ, trích thù lao HĐQT và BKS.</p> <p>a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế để bổ sung VĐL và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% VĐL;</p> <p>b. Các quỹ khác và thù lao HĐQT, BKS do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định:</p> <p>+ Quỹ đầu tư phát triển;</p> <p>+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (chỉ riêng quỹ này chủ yếu dành cho CBCNV).</p> <p>3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:</p> <p>- Quỹ bảo hành sản phẩm;</p> <p>- Quỹ khấu hao tài sản cố định (khấu hao cơ bản).</p> <p>4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm; trong ĐHĐCĐ thành lập, GD doanh nghiệp Nhà nước đang điều hành Công ty là người thực hiện công việc này để trình ĐHĐCĐ.</p> <p>5. Số cổ tức được chia cho các CĐ theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các CĐ theo thời hạn thực hiện xong Báo cáo Tài chính sáu tháng đầu năm.</p> <p>6. Chỉ được chia cổ tức khi Công ty có lãi.</p> <p>7. Cổ tức có thể được chia bằng tiền hoặc chia bằng cổ phiếu.</p>		
110	<p>Điều 66. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ</p> <p>Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:</p> <p>- Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.</p> <p>- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHĐCĐ phải quyết định cho biện pháp để khắc phục.</p>		
111	<p>CHƯƠNG VIII</p> <p>GIẢI THỂ, THANH LÝ, TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP</p>	<p>XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY</p>	<p>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</p>
112	<p>Điều 67. Giải thể</p> <p>Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 VĐL, mọi CĐ đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để quyết</p>	<p>Điều 51. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 59. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) <u>Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong</u></p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>định giải thể Công ty.</p> <p>2. Khi có lý do chính đáng, HĐQT có quyền đề nghị để ĐHĐCĐ bất thường quyết định giải thể Công ty.</p> <p>3. Quyết định của Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>đồng;</p> <p>b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><u>Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn:</u>⁷²</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (<u>kể cả thời hạn đã gia hạn</u>) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>
113			<p><u>Điều 60. Gia hạn hoạt động</u></p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. <u>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</u></p>
114	<p>Điều 68. Thanh lý</p> <p>1. Khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ lập hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng BKS làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.</p> <p>2. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và KSV có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi xét thấy cần thiết.</p>		<p><u>Điều 61. Thanh lý</u></p> <p>1. <u>Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của</u></p>

⁷² Không đưa vào dự thảo Điều lệ sửa đổi do Công ty có thời hạn hoạt động là vô thời hạn nên không có trường hợp gia hạn hoạt động.

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
			<p><u>Công ty.</u></p> <p><u>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</u></p> <p><u>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</u></p> <p>a) <u>Các chi phí thanh lý;</u></p> <p>b) <u>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u></p> <p>c) <u>Nợ thuế;</u></p> <p>d) <u>Các khoản nợ khác của Công ty;</u></p> <p><u>đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</u></p>
115		XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
116	<p>Điều 69. Tố tụng, tranh chấp</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện hợp pháp của Công ty trước pháp luật và được phép ủy quyền cho TGD trong mọi giai đoạn tranh tụng.</p> <p>2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.</p> <p>3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong trường hợp thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan quản lý, chức năng của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Mọi CD có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua thì các CD có thể cứ đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty;</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải</p>	<p>Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty;</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [... ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
		<p>trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>cứ bên nào cũng có thể yêu cầu [...] chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>
117		XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
118		<p>Điều 53. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 63. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật <u>mới</u> khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>
119	CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC
120	<p>Điều 70. Điều khoản thi hành</p> <p>Công ty chính thức đi vào hoạt động sau khi tổ chức xong ĐHCĐ thành lập và đã làm đầy đủ các thủ tục sau đây:</p> <p>1. Xác nhận danh sách CĐ đã đăng ký mua trên 51% cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có cơ quan, đơn vị có chức năng cam kết bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại;</p> <p>2. Đã bầu HĐQT, BKS và cử BDH;</p> <p>3. ĐHCĐ thành lập đã thảo luận và chấp nhận thông qua toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ này;</p> <p>4. Đã giao quyền quản trị Công ty cho HĐQT;</p> <p>5. Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan quản lý, chức năng của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Điều lệ mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
121	<p>Điều 71. Con dấu⁷³</p> <p>1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an trước khi sử dụng, được đăng ký tại Cơ quan công an có thẩm quyền, Sở kế hoạch và đầu tư, Ngân hàng, kho bạc Nhà nước.</p> <p>2. HĐQT giao TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		
122	<p>Điều 72. Những quy định khác</p> <p>Bất kỳ điều khoản nào không quy định trong bản Điều lệ này nhưng có trong Luật Doanh nghiệp mà không mâu thuẫn thì mặc nhiên Công ty phải thực hiện những nội dung đó của Luật Doanh nghiệp. Nguyên tắc này cũng được áp dụng đối với các luật khác, các chế độ hoặc quy định hiện hành của Nhà nước, kể cả với pháp luật và thông lệ quốc tế.</p>		
123	<p>Điều 73. Đăng ký Điều lệ</p> <p>Bản Điều lệ này gồm 09 chương 73 điều, được ĐHCĐ thường niên Công ty cổ phần thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 11 tháng 7 năm 2006. Các nội dung sửa đổi bổ sung có hiệu lực thi hành từ <i>ngày 23 tháng 6 năm 2012</i>.</p> <p>Điều lệ được thành lập mười bản có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bản nộp tại phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; - Năm bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; - Bốn bản lưu tại văn phòng Công ty. <p>Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.</p>	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 20 mục, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại Văn phòng Công ty, 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 01 bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 64. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 64 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ... <u>nhất trí</u> thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành bản, <u>có giá trị như nhau</u> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>
124	<i>(Họ, tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị)</i>	Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật	<i>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.</i>

⁷³ Nội dung về con dấu được nhắc tới tại Điều 50 dự thảo Điều lệ sửa đổi

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HỎA XA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Căn cứ Nghị quyết số .../2021/NQ-ĐH ngày ... tháng ... năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HỎA XA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Căn cứ Nghị quyết số .../2021/NQ-ĐH ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

- Các đối tượng khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp)

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

h) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực

hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

l) Cách thức kiểm phiếu được quy định tại Quy chế làm việc của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay sau khi kiểm phiếu hoặc trước khi bế mạc cuộc họp tùy thuộc từng nội dung trong cuộc họp.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị) được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 người.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

- Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cứ mỗi 5% tổng số cổ phần phổ thông sở hữu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử 01 ứng viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền đề cử thêm ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu (10) mười ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông

có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và phải nộp đầy đủ hồ sơ theo mẫu của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên,

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thực hiện và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường họp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- Theo quyết định triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Các trường họp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương

trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian, địa điểm họp Hội đồng quản trị.

- Địa điểm họp Hội đồng quản trị có thể tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết .

- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên

cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.

Điều 4. Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người.

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 34 của Luật Doanh nghiệp.

d) Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

Điều 5. Tổng giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng giám đốc

- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc (trong trường hợp Tổng giám đốc được yêu cầu tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội

đồng quản trị.

- Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

đ) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

g) Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì

Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các giao dịch giữa Công ty với Tổng giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:

Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

+ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

+ Ban kiểm soát:

Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty.

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:
- + Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban kiểm soát có quyền (hoặc cử thành viên khác của Ban kiểm soát bằng văn bản) tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.
- + Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động đối với Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác.

b. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

c. Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2022.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.</p> <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty nhằm mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; - Đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty; - Minh bạch trong hoạt động của Công ty; - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả. <p>b. “Công ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa;</p> <p>c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên khác trong Ban điều hành. theo khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;</p> <p>e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>11 năm 2014;</p> <p>f. Những chữ viết tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông - HĐQT: Hội đồng quản trị - BKS: Ban kiểm soát - Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. <p>2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.</p>		
	<p>Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường</p> <p>Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. 2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ. 3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ. 4. Cách thức bỏ phiếu. 5. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và HĐQT xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. 6. Thông báo kết quả kiểm phiếu. 7. Cách thức phân phối nghị quyết của ĐHĐCĐ. 8. Lập biên bản ĐHĐCĐ. 9. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng. 10. Các vấn đề khác. <p>Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo khoản 1 Điều 8 Nghị 	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. <p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. - Các đối tượng khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. <ol style="list-style-type: none"> b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <ol style="list-style-type: none"> c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <ol style="list-style-type: none"> d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông <p>Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ</p> 	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông; b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp; c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp); e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; h) Điều kiện tiến hành; i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; k) Cách thức bỏ phiếu; l) Cách thức kiểm phiếu; m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>định 71/2017/NĐ-CP. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.</p> <p>2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ theo khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Các vấn đề khác liên quan đến danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> <p>2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.</p> <p>3. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo cách thức quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>1. Cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng trên Thẻ biểu quyết và/ hoặc Phiếu biểu quyết. Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến biểu quyết thì cổ đông gạch chéo vào ô đã ký, sau đó ký lại vào ô khác.</p> <p>2. Các cổ đông, người được cổ đông ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp.</p> <p>3. Các cổ đông không tham dự trực tiếp cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự thay thì có thể gửi phiếu biểu</p>	<p>Công ty.</p> <p>đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp)</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>h) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>k) Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>l) Cách thức kiểm phiếu được quy định tại Quy chế làm việc của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>n) Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay sau khi kiểm phiếu hoặc trước khi bế mạc cuộc họp tùy thuộc từng nội dung trong cuộc họp.</p> <p>o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;</p> <p>o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);</p> <p>p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p><u>4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:</u></p> <p><u>a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</u></p> <p><u>b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</u></p> <p><u>c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</u></p> <p><u>d) Điều kiện tiến hành;</u></p> <p><u>đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</u></p> <p><u>e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;</u></p> <p><u>g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;</u></p> <p><u>h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;</u></p> <p><u>i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:</u></p> <p><u>a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</u></p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>quyết về Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa; thư đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc Ban kiểm phiếu phải thực hiện việc tiếp nhận ngay (sau khi được Trưởng Ban tổ chức chuyển cho) và đưa vào để kiểm đếm tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để phục vụ công tác này và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Thời hạn cho việc nhận Phiếu biểu quyết từ xa là từ khi cổ đông nhận được Thông báo mời họp cho đến khi các nội dung biểu quyết tại Đại hội đã kết thúc theo Chương trình nghị sự được thông qua. Trong trường hợp này, phiếu Biểu quyết từ xa (sau khi cổ đông đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin cổ đông gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ “Phiếu biểu quyết” và được gửi về Trưởng Ban tổ chức Đại hội của Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa. Khi kiểm phiếu, phiếu Biểu quyết từ xa sẽ được đóng dấu “BỘ PHIẾU TỪ XA” để phân biệt với các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và có giá trị như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>4. Hình thức của Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty; - Mã số biểu quyết; - Tên cổ đông; - Số cổ phần sở hữu; - Nội dung cần biểu quyết; - Các ô thể hiện ý kiến biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). <p>5. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không phải là bản gốc có dấu của Công ty; - Bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, trù trường hợp thay đổi ý kiến biểu quyết được quy định ở trên; - Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; - Không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không ký tên ý kiến nào hoặc ký tên từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến; biểu quyết nào mà có vi phạm nêu trên thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ; - Không gửi về Công ty theo đúng quy định tại Quy chế này (đối với trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu từ xa). <p>6. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua</p>	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>d) Điều kiện tiến hành;</u></p> <p><u>đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>e) Cách thức bỏ phiếu;</u></p> <p><u>g) Cách thức kiểm phiếu;</u></p> <p><u>h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;</u></p> <p><u>i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>6. [Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác].</u></p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>trong Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.</p> <p>7. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban kiểm phiếu trước khi ra về.</p> <p>8. Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/người được ủy quyền nào bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 10 (mười) phút kể từ khi Ban kiểm phiếu thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước.</p> <p>Điều 8. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCD</p> <p>1. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết theo nội dung điểm g khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>		

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>1. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết theo khoản 10 Điều 29 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty phải công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>Cổ đông phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.</p> <p>Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>2. Nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật và được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có) theo khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p>Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty theo khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>		
	<p>Điều 13. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 9 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p> <p>Điều 14. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên</p>		

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.		
	<p>Điều 15. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.</p> <p>b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>d. Gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến, HĐQT phải công bố thông tin, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Yêu cầu, việc công bố thông tin và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này và Điều 31 Điều lệ Công ty.</p> <p>e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>f. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ và biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và gửi đến cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc</p>		

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>kiểm phiếu. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>4. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Ngoại trừ các vấn đề bắt buộc phải lấy ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty, HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ vì lợi ích của Công ty.</p>		
	<p>CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT</p> <p>Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 36 Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p> <p>2. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty nhưng phải được ĐHĐCĐ Công ty thông qua hằng năm.</p> <p>Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông, nhóm cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT; nếu cổ đông có số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền này gấp nhiều lần tỷ lệ 5% thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 15% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên.</p> <p>2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm</p>	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị) được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 người. - Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị - Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. - Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cứ mỗi 5% tổng số cổ phần phổ thông sở hữu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử 01 ứng viên Hội đồng quản trị. - Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền đề cử thêm ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc giới thiệu thêm ứng viên phải</p>	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).</p> <p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;</p> <p>b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;</p> <p>c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HĐQT cần bầu. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.</p> <p>Điều 18. Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo thể thức bỏ phiếu kín theo khoản 1 Điều 38 Điều lệ và phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>2. Việc xem xét người trúng cử được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty và Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.</p> <p>Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu (10) mười ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác; 	<p>được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.</p> <p>d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.</p> <p>g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu (10) mười ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; 	<p>quyết định);</p> <p>d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Cách thức biểu quyết;</p> <p>g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;</p> <p>k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán; b) Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán; <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán; - Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán; c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán. <p>6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)</p> <p>Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban; b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. <p>7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>- Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này và phải nộp đầy đủ hồ sơ theo mẫu của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên,</p> <p>CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT</p> <p>Điều 22. Các hình thức lấy ý kiến HĐQT</p> <p>1. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng cách biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc bằng cách hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua fax.</p> <p>2. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Điều 23. Thông báo họp HĐQT</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT, thời gian, địa điểm họp HĐQT.</p> <p>2. Địa điểm họp HĐQT có thể tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT quyết định.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp HĐQT</p>	<p>- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên (nếu có);</p> <p>- Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và phải nộp đầy đủ hồ sơ theo mẫu của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên,</p> <p>h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thực hiện và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.</p> <p>b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</p> <p>- Theo quyết định triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian, địa điểm họp Hội đồng quản trị.</p> <p>- Địa điểm họp Hội đồng quản trị có thể tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch Hội</p>	<p>trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và Tổng giám đốc (trong trường hợp TGD được yêu cầu tham dự họp) như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 24. Điều kiện tổ chức họp HĐQT</p> <p>1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT dự họp theo khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>Điều 25. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT</p> <p>1. Trừ quy định khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT dự họp hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp HĐQT có 01 (một) phiếu biểu quyết .</p> <p>2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 52 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>5. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.</p>	<p>đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.</p> <p>d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>e) Cách thức biểu quyết</p> <p>- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết .</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.</p> <p>Điều 26. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT</p> <p>1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>Điều 27. Ghi biên bản họp HĐQT</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng chữ nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên HĐQT tham dự họp trực tiếp hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT</p> <p>2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp sự có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản</p>	<p>viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.</p> <p>2. Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
	<p>CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN</p> <p>Điều 29. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty, khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.</p> <p>Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên BKS để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên BKS cần bầu. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.</p> <p>Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.</p> <p>Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Thành viên BKS không còn tư cách Kiểm soát viên, bị miễn</p>	<p>Điều 4. Ban kiểm soát</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người.</p> <p>- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 34 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d) Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.</p> <p>g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 4. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán</p>		
	<p>CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Điều 34. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng thành viên Ban điều hành. Tiêu chuẩn, số lượng thành viên Ban điều hành do HĐQT quyết định tùy theo từng thời điểm. Ban điều hành phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Thành viên Ban điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 46 Điều lệ.</p> <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc: Theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 và khoản 5 Điều 46 Điều lệ.</p> <p>4. Tùy theo giai đoạn phát triển của Công ty, HĐQT có thể điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành.</p> <p>Điều 35. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Tổng giám đốc do HĐQT thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Các cán bộ khác trong Ban điều hành do HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho Tổng giám đốc theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao theo quy định tại khoản khoản 6 Điều 46 Điều lệ. Nhiệm kỳ của các cán bộ khác trong Ban điều hành theo quyết định cụ thể của HĐQT.</p> <p>Điều 36. Ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành.</p> <p>2. HĐQT có thể xem xét thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>Điều 5. Tổng giám đốc</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc</p> <p>a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối Tổng giám đốc.</p> <p>đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.</p> <p>e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc</p> <p>Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Điều 5. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc)</p> <p>a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p><u>c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);</u></p> <p><u>d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);</u></p> <p>đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc).</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. HĐQT có thể bãi nhiệm hoặc cách chức Tổng giám đốc nếu thuộc trường hợp theo Điều 50 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Các Giám đốc nghiệp vụ và Kế toán trưởng trong Ban điều hành do HĐQT miễn nhiệm hoặc cách chức theo khoản 4 Điều 46 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban điều hành phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.</p>		
	<p>CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc</p> <p>1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc (trong trường hợp Tổng giám đốc được yêu cầu tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>Điều 40. Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS</p> <p>Các nghị quyết và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 41. Tổng giám đốc</p> <p>Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 42. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT</p> <p>1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT</p> <p>Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.</p> <p>Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p>	<p>Điều 6. Các hoạt động khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng giám đốc</p> <p>- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc (trong trường hợp Tổng giám đốc được yêu cầu tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</p> <p>Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc</p> <p>Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 6. Các hoạt động khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;</p> <p>c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>d) Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;</p> <p>e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc);</p> <p>g) Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.</p> <p>2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT</p> <p>a. Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại điểm j khoản 2 Điều 37 Điều lệ;</p> <p>d. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của BKS trước khi trình lên ĐHCĐ theo quy định tại khoản 11 Điều 165 Luật doanh nghiệp;</p> <p>e. Các vấn đề khác mà Tổng giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.</p> <p>Điều 43. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.</p> <p>Điều 44. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS Công ty. - Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và khoản 2 Điều 42 Quy chế này, Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT. - Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định 71/2017/NĐ-CP các giao dịch giữa Công ty với Tổng giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật. <p>2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu</p>	<p>- Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>đ) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.</p> <p>e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc</p> <p>Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.</p> <p>g) Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p> <p>- Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.</p> <p>- Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.</p> <p>- Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các giao dịch giữa Công ty với Tổng giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các</p>	<p>quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>3. Các vấn đề khác (nếu có).</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 166 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 45. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc: Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:</p> <p>a. HĐQT: HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp HĐQT cho BKS theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Quy chế này.</p> <p>b. BKS: - Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ; - Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty.</p> <p>3. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS:</p> <p>a. Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng BKS có quyền (hoặc cử thành viên khác của BKS bằng văn bản) tham dự các cuộc họp của HĐQT, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>b. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>Điều 46. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc</p> <p>Hàng năm, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.</p> <p>CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI</p>	<p>Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.</p> <p>- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:</p> <p>Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>+ Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.</p> <p>+ Ban kiểm soát: Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty.</p> <p>- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>+ Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban kiểm soát có quyền (hoặc cử thành viên khác của Ban kiểm soát bằng văn bản) tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>+ Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được in đậm)	Quy chế mẫu (theo TT116) (Các nội dung sửa đổi hoặc bỏ đi được gạch chân)
	<p>VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</p> <p>Điều 47. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành</p> <p>1. Đánh giá hoạt động:</p> <p>a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn, HĐQT tổ chức đánh giá hoạt động đối với HĐQT và từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác.</p> <p>b. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và tự đánh giá hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Khen thưởng và kỷ luật:</p> <p>Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, HĐQT, BKS xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền.</p>	<p>ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động đối với Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác.</p> <p>b. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.</p> <p>c. Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền.</p>	
	<p>CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHCĐ thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.</p> <p>Điều 49. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 8 chương 49 Điều được ĐHCĐ Công ty thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.</p> <p>2. Quy chế nội bộ về quản trị này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 7. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2022.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần ... bao gồm [...] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm...</p>



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HÒA XÁ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	I
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 34
8. Phụ lục	35 - 37

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300481625, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 38 367 660
- Fax : (84-28) 38 369 031

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Hải Vân	69 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Kỳ Đồng	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Du lịch Đường sắt Sài Gòn	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc	51 Đường 20, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Ga Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Đường sắt Nha Trang	17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, TP. Nha Trang
Khách sạn Cà Ná	Quốc lộ 1 A, Thôn Lạc Sơn 1, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu	146/33 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hóa xa Sài Gòn(*)	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu	310/4B Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

(*) Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hóa xa Sài Gòn tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Sản xuất giống thủy sản. Chi tiết: Nuôi thủy sản;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát;



- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc. Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến nông sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây cháy máu);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thiên Kim	Chủ tịch	Bãi nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Trần Đình Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà San Kim Chi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Trương Ái Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Lê Thăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Tô Văn Giáp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Mai Hữu Duẩn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Trần An Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Đỗ Hoàng Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà San Kim Chi	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Đình Vũ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thiên Kim	Chủ tịch	Bãi nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Trần Đình Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021

Ông Trần Đình Vũ đã ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Phi Nga - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Trụ sở chính theo Giấy ủy quyền số 24/UQ-HĐQT ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

815-C
TY
HỮU
TỰ
C
PHỐC

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Phi Nga
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0914/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xá (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.693.549.292	41.987.024.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.389.236.812	9.539.615.058
1. Tiền	111		4.189.236.812	3.339.615.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.000	6.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.902.770.123	32.110.482.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.814.960.461	30.684.049.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.418.864.780	1.381.774.980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	44.214.839	44.658.521
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(375.269.957)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		231.909.080	290.147.980
1. Hàng tồn kho	141	V.6	231.909.080	290.147.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.633.277	46.779.120
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	87.777.194	25.992.145
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	81.856.083	20.786.975
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.086.722.110	23.702.462.198
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		338.723.665	894.595.665
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	30.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	338.723.665	864.595.665
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.971.058.101	9.846.203.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.971.058.101	9.846.203.087
- Nguyên giá	222		32.650.310.514	42.134.497.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.679.252.413)	(32.288.294.687)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		252.023.800	252.023.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.023.800)	(252.023.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	2.713.401.691	2.803.062.156
- Nguyên giá	231		15.203.992.866	7.625.708.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.490.591.175)	(4.822.646.058)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.803.414.545	2.547.115.895
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.803.414.545	2.547.115.895
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.903.673.555	1.903.673.555
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	1.903.673.555	1.903.673.555
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.356.450.553	5.707.811.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.356.450.553	5.707.811.840
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.780.271.402	65.689.487.155

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		29.903.081.408	35.795.025.234
I. Nợ ngắn hạn	310		3.629.043.206	4.937.793.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	1.510.832.745	1.785.079.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	357.107.850	365.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	234.081.005	909.255.768
4. Phải trả người lao động	314	V.16	32.608.745	350.575.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	308.720.000	258.720.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	834.008.456	1.053.527.840
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	351.684.405	580.271.095
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.274.038.202	30.857.231.252
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	82.610.000	82.610.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	107.896.522	366.616.522
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	25.772.749.780	29.775.262.830
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	310.781.900	632.741.900
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.877.189.994	29.894.461.921
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.877.189.994	29.894.461.921
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	17.200.000.000	17.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.200.000.000	17.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	12.626.891.931	12.211.819.134
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(5.949.701.937)	482.642.787
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	482.642.787
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.949.701.937)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.780.271.402	65.689.487.155

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Lương Ngọc Liên
Người lập



Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phi Nga
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.782.407.948	47.873.620.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.782.407.948	47.873.620.620
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.664.806.745	32.636.532.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.117.601.203	15.237.087.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	275.659.502	196.102.036
7. Chi phí tài chính	22		-	267.660.900
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	267.660.900
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	3.076.102.734	5.593.344.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.157.060.619	11.768.004.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.839.902.648)	(2.195.819.254)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.031.159.601	2.960.695.800
12. Chi phí khác	32	VI.7	140.958.890	68.918.919
13. Lợi nhuận khác	40		1.890.200.711	2.891.776.881
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.949.701.937)	695.957.627
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	213.314.840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.949.701.937)	482.642.787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(3.459)	241
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(3.459)	241

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


Lương Ngọc Liên
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phi Nga
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.085.064.850	59.624.877.368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14.223.746.885)	(32.907.251.930)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.242.336.172)	(11.552.946.185)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(299.400.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(135.145.589)	(423.320.824)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.173.714.856	15.516.000.173
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.756.200.293)	(18.289.285.784)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(3.098.649.233)</i>	<i>11.668.672.818</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.445.428.515)	(1.498.297.119)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8; VI.6	440.000.000	187.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	275.659.502	196.102.036
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(729.769.013)</i>	<i>(1.115.195.083)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	499.960.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(321.960.000)	(7.882.258.100)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(321.960.000)</u>	<u>(7.382.298.100)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.150.378.246)	3.171.179.635
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.539.615.058	6.368.435.423
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>5.389.236.812</u>	<u>9.539.615.058</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Lương Ngọc Liên
Người lập



Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phi Nga
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và dịch vụ du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

Doanh thu năm nay của Công ty giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do dịch covid-19 và Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Đây là nguyên nhân chính làm cho kết quả hoạt động kinh doanh năm nay của công ty lổ.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Hải Vân	69 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Kỳ Đồng	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Du lịch Đường sắt Sài Gòn	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh địa ốc	51 Đường 20, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Ga Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Đường sắt Nha Trang	17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, TP. Nha Trang
Khách sạn Cà Ná	Quốc lộ 1 A, Thôn Lạc Sơn 1, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu	146/33 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn(*)	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu	310/4B Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

(*) Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 113 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty là nguyên vật liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù, công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù

Chi phí đền bù thể hiện khoản tiền đã trả để có được phần đất Công ty đang sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	11 - 25

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

044
ÔN
NH
TÀI
A
VH.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÓA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3815-C
CÔNG TY
HỮU HỮU
VÀ TƯ
& C
T.P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	997.030.768	1.257.075.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.192.206.044	2.082.539.789
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	1.200.000.000	6.200.000.000
Cộng	5.389.236.812	9.539.615.058

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Đạt	14.219.999.000	15.059.999.000
Công ty TNHH Thương mại Thanh Tâm	6.793.621.461	7.853.621.461
Công ty TNHH MTV Kim Hương	580.000.000	5.207.513.050
Các khách hàng khác	1.221.340.000	2.562.915.787
Cộng	22.814.960.461	30.684.049.298

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quản lý Tài sản Đại Dương Xanh	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần ACE Sài Gòn	214.200.000	214.200.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng AT Architects	-	874.000.000
Các nhà cung cấp khác	104.664.780	293.574.980
Cộng	1.418.864.780	1.381.774.980

4. Phải thu ngắn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	650.000	-	650.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	43.564.839	-	44.008.521	-
Cộng	44.214.839	-	44.658.521	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	212.500.000	-	712.500.000	-
Thuế GTGT tạm nộp cho hoạt động cho thuê tài sản trên đất	36.661.652	-	62.533.652	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	89.562.013	-	89.562.013	-
Cộng	338.723.665	-	864.595.665	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Vận tải đường sắt Thuận Phát – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	355.498.800	248.849.160	-	-	
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	18.803.400	9.401.700	-	-	
Công ty TNHH TM vận tải đường sắt Bắc Nam – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	-	-	
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-	
Công ty TNHH Quốc tế GTA – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	-	-	
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-	
Phải thu các tổ chức khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	-	-	
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-	
Cộng		633.520.817	258.250.860			

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	321.521.783
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	375.269.957	(321.521.783)
Số cuối năm	375.269.957	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	183.354.117	-	129.882.887	-
Hàng hóa	48.554.963	-	160.265.093	-
Cộng	231.909.080	-	290.147.980	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê xe	40.000.000	-
Công cụ, dụng cụ	31.649.163	11.836.363
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.128.031	14.155.782
Cộng	87.777.194	25.992.145

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù	5.306.649.700	5.431.023.700
Chi phí duy tu, sửa chữa	705.834.551	161.669.568
Công cụ, dụng cụ	343.966.302	110.490.002
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	4.628.570
Cộng	6.356.450.553	5.707.811.840

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	38.155.154.624	1.305.342.000	2.446.642.189	227.358.961	42.134.497.774
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.578.284.652)	-	-	-	(7.578.284.652)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.905.902.608)	-	(1.905.902.608)
Số cuối năm	30.576.869.972	1.305.342.000	540.739.581	227.358.961	32.650.310.514
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.795.214.953	701.713.162	540.739.581	227.358.961	14.265.026.657
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.497.340.375	1.118.453.162	2.446.642.189	225.858.961	32.288.294.687
Khấu hao trong năm	1.404.488.000	131.640.000	-	1.500.000	1.537.628.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.240.767.666)	-	-	-	(7.240.767.666)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.905.902.608)	-	(1.905.902.608)
Số cuối năm	22.661.060.709	1.250.093.162	540.739.581	227.358.961	24.679.252.413
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.657.814.249	186.888.838	-	1.500.000	9.846.203.087
Số cuối năm	7.915.809.263	55.248.838	-	-	7.971.058.101
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	7.625.708.214	4.822.646.058	2.803.062.156
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	7.578.284.652	7.240.767.666	
Khấu hao trong năm		427.177.451	
Số cuối năm	15.203.992.866	12.490.591.175	2.713.401.691

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Hội trường - Khách sạn Đà Lạt	82.383.592	82.383.592	-
Biệt thự số 09 B - Khách sạn Đà Lạt	190.825.451	190.825.451	-
Nhà hàng Thăng Cảnh - Khách sạn Đà Lạt	325.291.491	325.291.491	-
Nhà dịch vụ 9C - Khách sạn Đà Lạt	719.697.811	319.368.255	400.329.556
Biệt thự số 11 - Khách sạn Đà Lạt	330.322.975	330.322.975	-
Nhà dịch vụ 9C - Khách sạn Đà Lạt	2.768.699.147	1.228.631.745	1.540.067.402
Nhà sách Phương Nam - Nha Trang	2.920.487.747	2.587.200.000	333.287.747
Quán Hello Coffee - Nha Trang	288.000.000	163.200.000	124.800.000
Một phần khách sạn Hải Vân - Khách sạn Hải Vân	4.902.388.992	4.902.388.992	-
Một phần khách sạn Kỳ Đồng - Khách sạn Kỳ Đồng	1.321.378.674	1.321.378.674	-
Văn phòng số 01 Nguyễn Thông - Trụ sở chính	1.354.516.986	1.039.600.000	314.916.986
Cộng	15.203.992.866	12.490.591.175	2.713.401.691

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình Khách sạn, Nhà hàng Bình Triệu	2.144.898.622	2.256.298.650	4.401.197.272
Công trình khác	402.217.273	-	402.217.273
Cộng	2.547.115.895	2.256.298.650	4.803.414.545

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm nay với số tiền là 5.410.874.672 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt Phía Nam	606.070.000	606.070.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Hà Nội	200.500.000	200.500.000
Công ty TNHH Thương mại Tân Hiệp	140.071.331	260.071.331
Các nhà cung cấp khác	564.191.414	718.437.707
Cộng	1.510.832.745	1.785.079.038

13b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả dài hạn Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Việt Tin Thành.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hàng hải và Đầu tư Công nghiệp Vinashin	25.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dạy nghề Trung Nam Việt	12.024.285	12.024.285
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Hà Nội	200.500.000	200.500.000
Công ty TNHH Vận tải biển Vinafco	50.400.000	50.400.000
Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Tân Thanh	27.341.500	27.341.500
Công ty TNHH Nội thất Tây Cửu Long	45.125.200	45.125.200
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam	606.070.000	606.070.000
Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Vĩnh Lộc Phát	77.327.360	77.327.360
Khách vãng lai	1.031.069	1.031.069
Cộng	<u>1.044.819.414</u>	<u>1.044.819.414</u>

Các khoản nợ này liên quan đến vụ kiện tranh chấp nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động của ông Lê Hạnh, Giám đốc trước đây của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Rona Massage	352.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Sự kiện Vintravel	-	365.000
Các khách hàng khác	5.107.850	-
Cộng	<u>357.107.850</u>	<u>365.000</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	350.364.332	-	1.081.109.346	(1.232.446.269)	199.027.409	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.931.785	-	40.702.841	(97.634.626)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.145.589	-	-	(135.145.589)	-	-60.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Chi nhánh ⁽¹⁾	-	2.266.885	2.266.885	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.077.812	-	101.802.676	(100.826.892)	35.053.596	-
Thuế nhà đất	-	18.520.090	33.706.629	(33.706.829)	-	-18.520.290
Tiền thuế đất	392.736.250	-	4.125.911.010	(4.521.983.053)	-	-3.335.793
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
Cộng	<u>909.255.768</u>	<u>20.786.975</u>	<u>5.400.499.387</u>	<u>(6.136.743.258)</u>	<u>234.081.005</u>	<u>81.856.083</u>

⁽¹⁾ Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp thừa 2.266.885 do không thu hồi được, đã kết chuyển vào chi phí.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mát xa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.949.701.937)	695.957.627
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	538.827.265	284.770.319
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(5.410.874.672)	980.727.946
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	196.145.589
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	17.169.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	213.314.840

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Đơn giá (VND/m²)</u>
- 69 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.240.000
- 10D Kỳ Đồng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	1.478.400
- 01 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	1.126.400
- 310/4B Quốc lộ 13, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	190.512
- 146/33 Kha Vạn Cân, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	79.995
- 51 Đường 20, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	36.720
- Quốc lộ 1A, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	110.160
- Khách sạn Cà Ná - Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	2.200
- Nhà hàng Cà Ná quán - Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	2.200 và 1.100
- 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	34.208
- 17 Thái Nguyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	720.000
- 132 Lê Duẩn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	618.764
- 132 Lê Duẩn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	190.791
- 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.252.800

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 còn phải trả cho nhân viên.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Khoản tiền thuế tài sản nhận trước của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	574.600.000	671.600.000
Tiền tạm mượn các cá nhân	164.134.701	173.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	95.273.755	208.927.840
Cộng	<u>834.008.456</u>	<u>1.053.527.840</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đảm bảo nợ phải thu quá hạn	23.418.949.780	28.756.462.830
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.353.800.000	1.018.800.000
Cộng	<u>25.772.749.780</u>	<u>29.775.262.830</u>

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	435.486.115	67.569.990	(227.348.571)	275.707.534
Quỹ phúc lợi	143.959.980	-	(68.808.109)	75.151.871
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	825.000	-	-	825.000
Cộng	<u>580.271.095</u>	<u>67.569.990</u>	<u>(296.156.680)</u>	<u>351.684.405</u>

20. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác(*)</i>	<i>310.781.900</i>	<i>632.741.900</i>
Vay Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Hoàng Kim	141.120.000	163.080.000
Ông Trần Trung Trí	-	300.000.000
Vay Ông Lê Thành Hưng	169.661.900	169.661.900
Cộng	<u>310.781.900</u>	<u>632.741.900</u>

(*) Các khoản vay không có tài sản đảm bảo với các cá nhân và tổ chức khác để đầu tư tài sản cố định.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	-
Trên 01 năm đến 05 năm	310.781.900	632.741.900
Cộng	<u>310.781.900</u>	<u>632.741.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của các khoản vay trong năm dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	632.741.900	3.765.040.000
Số tiền vay phát sinh	-	499.960.000
Số tiền vay đã trả	(300.000.000)	(3.610.298.100)
Cần trừ tiền cho thuê tài sản	(21.960.000)	(21.960.000)
Số cuối năm	310.781.900	632.741.900

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.200.000.000	10.932.543.098	1.487.530.274	29.620.073.372
Lợi nhuận trong năm	-	-	482.642.787	482.642.787
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.279.276.036	(1.487.530.274)	(208.254.238)
Số dư cuối năm trước	17.200.000.000	12.211.819.134	482.642.787	29.894.461.921
Số dư đầu năm nay	17.200.000.000	12.211.819.134	482.642.787	29.894.461.921
Lợi nhuận trong năm	-	-	(5.949.701.937)	(5.949.701.937)
Trích lập các quỹ trong năm	-	415.072.797	(482.642.787)	(67.569.990)
Số dư cuối năm nay	17.200.000.000	12.626.891.931	(5.949.701.937)	23.877.189.994

21b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.720.000	1.720.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển :	415.072.797
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi :	67.569.990

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.626.754.409	3.848.309.659
Trên 01 năm đến 05 năm	18.507.017.636	14.678.753.636
Trên 05 năm	124.162.470.429	107.721.813.638
Cộng	<u>147.296.242.474</u>	<u>126.248.876.933</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tiền thuê đất của các hợp đồng thuê đất nêu trên được tính theo đơn giá thuê đang áp dụng cho năm 2020 và có thể thay đổi hoặc điều chỉnh trong tương lai theo chính sách của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	7.409.752.501	14.818.365.902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.380.423.363	28.400.786.648
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽ⁱ⁾	5.992.232.084	4.654.468.070
Cộng	<u>21.782.407.948</u>	<u>47.873.620.620</u>

⁽ⁱ⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	5.992.232.084	4.654.468.070
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	427.177.451	380.567.100
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>5.565.054.633</u>	<u>4.273.900.970</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.384.263.416	9.358.980.846
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.853.365.878	22.896.984.902
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	427.177.451	380.567.100
Cộng	<u>13.664.806.745</u>	<u>32.636.532.848</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.145.408.978	3.187.075.275
Chi phí vật liệu, bao bì	18.295.155	9.830.410
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.478.585	379.523.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	998.240.000	1.018.832.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	847.892.016	978.416.189
Các chi phí khác	4.788.000	19.665.800
Cộng	<u>3.076.102.734</u>	<u>5.593.344.067</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.907.167.244	4.364.499.467
Chi phí vật liệu quản lý	64.672.248	141.330.631
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.813.364	289.216.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.996.000	57.696.000
Thuế, phí và lệ phí	4.164.617.639	4.242.638.287
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	375.269.957	(321.521.783)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.129.793.185	1.560.300.679
Các chi phí khác	1.254.730.982	1.433.844.104
Cộng	<u>13.157.060.619</u>	<u>11.768.004.095</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	400.000.000	148.620.000
Thu nhập khác	1.631.159.601	2.812.075.800
Cộng	<u>2.031.159.601</u>	<u>2.960.695.800</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.602	9.109.102
Chi phí phạt vi phạm hành chính	26.305.560	55.150.775
Chi phí khác	114.650.728	4.659.042
Cộng	<u>140.958.890</u>	<u>68.918.919</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.949.701.937)	482.642.787
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(67.569.990)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.949.701.937)	415.072.797
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.720.000	1.720.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(3.459)</u>	<u>241</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 281 VND xuống còn 241 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.921.962.809	7.367.808.229
Chi phí nhân công	10.253.548.226	13.875.903.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.964.805.451	1.990.108.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.651.403.130	16.937.327.712
Chi phí khác	5.940.276.669	5.694.822.372
Cộng	<u>28.731.996.285</u>	<u>45.865.970.339</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	82.610.000	82.610.000
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	71.052.980	1.107.552.980

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	8.375.535.991	6.462.704.375
Trên 01 năm đến 05 năm	24.864.268.874	19.664.022.682
Trên 05 năm	2.354.920.000	1.416.280.000
Cộng	<u>35.594.724.865</u>	<u>27.543.007.057</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>				
Lãi vay		-		121.957.200
<i>Các cá nhân có liên quan khác</i>				
Lãi vay		-		145.703.700
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát</i>				
	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
<i>Hội đồng quản trị</i>	-	<i>12.000.000</i>	<i>373.133.333</i>	<i>385.133.333</i>
Trần Thiên Kim - Chủ tịch	-	500.000	133.133.333	133.633.333
Nguyễn Văn Đông - Thành viên	-	-	27.833.333	27.833.333
San Kim Chi - Thành viên	-	-	27.833.333	27.833.333
Nguyễn Hữu Hưng - Thành viên	-	11.500.000	27.833.333	39.333.333
Trương Ái Liễu - Thành viên	-	-	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Phi Nga - Thành viên	-	-	32.166.667	32.166.667
Phạm Lê Thắng - Thành viên	-	-	32.166.667	32.166.667
Trần Đình Vũ - Thành viên	-	-	32.166.667	32.166.667
<i>Ban Kiểm soát</i>	<i>230.400.000</i>	<i>7.500.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>333.900.000</i>
Mai Hữu Dẫn - Trưởng ban	230.400.000	500.000	-	230.900.000
Trần An Liên - Thành viên	-	3.500.000	48.000.000	51.500.000
Tô Văn Giáp - Thành viên	-	3.500.000	22.266.667	25.766.667
Vũ Đỗ Hoàng Tuấn - Thành viên	-	-	25.733.333	25.733.333
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>	<i>504.287.785</i>	<i>27.500.000</i>	-	<i>531.787.785</i>
San Kim Chi - Tổng Giám đốc	112.000.000	500.000	-	112.500.000
Trần Đình Vũ - Tổng Giám đốc	236.478.261	14.000.000	-	250.478.261
Nguyễn Thị Phi Nga - Giám đốc kinh doanh	155.809.524	13.000.000	-	168.809.524
<i>Kế toán trưởng</i>	<i>256.200.000</i>	<i>13.500.000</i>	-	<i>269.700.000</i>
Nguyễn Minh Đức	256.200.000	13.500.000	-	269.700.000
Cộng	990.887.785	60.500.000	469.133.333	1.520.521.118
Năm trước				
<i>Hội đồng quản trị</i>	-	-	<i>264.000.000</i>	<i>264.000.000</i>
Trần Thiên Kim - Chủ tịch	-	-	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Văn Đông - Thành viên	-	-	48.000.000	48.000.000
San Kim Chi - Thành viên	-	-	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Hữu Hưng - Thành viên	-	-	30.000.000	30.000.000
Trương Ái Liễu - Thành viên	-	-	48.000.000	48.000.000
Tăng Thị Minh Tân - Thành viên	-	-	18.000.000	18.000.000
Lưu Thị Lê - Thành viên	-	-	18.000.000	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Kiểm soát	197.976.824	-	72.000.000	269.976.824
Mai Hữu Duẩn - Trưởng ban	120.909.091	-	-	120.909.091
Huỳnh Thị Đào - Trưởng ban	77.067.733	-	-	77.067.733
Trần An Liên - Thành viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Tô Văn Giáp - Thành viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Lê Nguyễn Thanh Tuấn - Thành viên	-	-	12.000.000	12.000.000
Lữ Thị Tiến - Thành viên	-	-	12.000.000	12.000.000
Ban Tổng Giám đốc	511.603.303	-	-	511.603.303
San Kim Chi - Tổng Giám đốc	284.163.276	-	-	284.163.276
Tăng Thị Minh Tân - Giám đốc nhân sự	215.019.012	-	-	215.019.012
Trần Thiên Kim - Giám đốc nhân sự	12.421.015	-	-	12.421.015
Kế toán trưởng	305.434.846	-	-	305.434.846
Nguyễn Minh Đức	305.434.846	-	-	305.434.846
Cộng	1.015.014.973	-	336.000.000	1.351.014.973

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khách sạn, nhà hàng : kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn.
- Lĩnh vực vận tải : kinh doanh vận chuyển hàng hóa
- Các lĩnh vực khác: cho thuê bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2021

Lương Ngọc Liên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phi Nga
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không tăng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực khách sạn nhà hàng	Lĩnh vực vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.737.660.763	2.164.319.913	4.880.427.272	-	21.782.407.948
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	3.186.863.997	(3.186.863.997)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.737.660.763	2.164.319.913	8.067.291.269	(3.186.863.997)	21.782.407.948
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.424.371.762)	(1.298.152.087)	(5.393.038.301)	-	(8.115.562.150)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.115.562.150)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					275.659.502
Doanh thu hoạt động tài chính					-
Chi phí tài chính					2.031.159.601
Thu nhập khác					(140.958.890)
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(5.949.701.937)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.150.183.570		2.310.708.650		3.460.892.220
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.771.830.309	113.000.000	635.929.999		2.520.760.308
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không tăng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	264.859.637	110.410.320		375.269.957



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực khách sạn nhà hàng	Lĩnh vực vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.768.424.760	17.098.795.118	7.006.400.742	-	47.873.620.620
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	9.898.012.908	(9.898.012.908)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.768.424.760	17.098.795.118	16.904.413.650	(9.898.012.908)	47.873.620.620
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.951.711.455)	(11.434.246)	838.885.311	-	(2.124.260.390)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(2.124.260.390)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					196.102.036
Doanh thu hoạt động tài chính					(267.660.900)
Chi phí tài chính					2.960.695.800
Thu nhập khác					(68.918.919)
Chi phí khác					(213.314.840)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					482.642.787
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	255.029.982		529.070.991		784.100.973
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.904.858.269	135.600.000	788.198.174		2.828.656.443
Tổng giá trị các khoản chi phí làm không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	(321.521.783)		(321.521.783)



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực khách sạn nhà hàng	Lĩnh vực vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	11.097.570.510	-	40.779.027.337	-	51.876.597.847
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.903.673.555
Tổng tài sản	640.782.664	-	28.910.614.339	-	29.551.397.003
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					351.684.405
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					29.903.087.408
Tổng nợ phải trả	12.346.409.304	2.417.827.472	49.021.576.824	-	63.785.813.600
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					1.903.673.555
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					65.689.487.155
Tổng tài sản	973.441.392	563.722.392	33.677.590.355	-	35.214.754.139
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					588.271.095
Nợ phải trả không phân bổ cho bộ phận					35.795.025.234
Tổng nợ phải trả					36.383.296.329

(Handwritten signature)

Lương Ngọc Liên
 Người lập

Nguyễn Minh Đức
 Kế toán trưởng



ngày 26 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Phi Nga
 Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

PHƯƠNG ÁN CHIA CÔNG TY

I. Sự cần thiết

1. Kinh doanh không có hiệu quả và không phù hợp với sự phát triển chung

Năm 2005, Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa - được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn – chính thức đi vào hoạt động đánh dấu bước phát triển mới của Công ty cùng với các ngành nghề kinh doanh.

Sau khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu, phát huy thế mạnh về đổi mới cơ chế và thế mạnh sẵn có về địa bàn, phạm vi hoạt động, ngành nghề truyền thống, cơ chế khoán đang áp dụng, sự đoàn kết nhất trí trong điều hành hoạt động... Công ty đã hoàn thiện, nâng cao từng bước và toàn diện các mặt về kinh doanh và quản trị, áp dụng sâu rộng khoa học kỹ thuật, nhưng trước mắt là tổ chức và con người trong đó mấu chốt là việc thay đổi sâu sắc về nhận thức; đào tạo, đào tạo lại, thuê chuyên gia, tư vấn hướng dẫn và thực hiện hướng dẫn tại chỗ từ các vị trí lãnh đạo tới công nhân viên để đáp ứng được tính chiến lược, tính cập nhật và tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2005 đến 2019 Công ty luôn chú trọng vào các hoạt động kinh doanh sẵn có lên tầm cao mới về doanh thu, lợi nhuận và chất lượng phục vụ, chủ yếu gồm các lĩnh vực kinh doanh: thương mại, khách sạn – nhà hàng, lữ hành nội địa quốc tế, dịch vụ vận tải, mở rộng các loại hình hoạt động mới đi liền với việc nâng cao uy tín, thương hiệu và hiệu quả của các sản phẩm này chủ yếu gồm các lĩnh vực kinh doanh: địa ốc, chuẩn bị mặt bằng, khu du lịch (resort), chế biến xuất khẩu đồ gỗ, cung cấp hoa - cây cảnh... với phương thức chọn thời kỳ, chọn địa bàn trọng tâm, trọng điểm.

Từ năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của đại dịch Covid, hoạt động kinh doanh của Công ty bị thu hẹp, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận. Công ty đứng trước tình trạng thua lỗ kéo dài, doanh thu không đủ để thực hiện nộp tiền thuê đất của Nhà nước. Xét thấy, việc thay đổi mô hình kinh doanh là cần thiết trong giai đoạn này. Do đó, việc lựa chọn phương án chia Công ty theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh của các nhóm cổ đông là giải pháp mà đại đa số các cổ đông lớn thống nhất và lựa chọn.

2. Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính của Công ty

Căn cứ vào tình hình thực tế, việc tuân thủ xu thế chung của thị trường là hoạt động tất yếu. Công ty cần mở rộng các hoạt động đầu tư chiều rộng và



chiều sâu để tăng thêm cơ sở kinh doanh và nâng cao năng lực khai thác tài sản, nghiên cứu kỹ chủ trương đầu tư để cân đối được nguồn vốn và tính hiệu quả lâu dài; chú trọng chất lượng những dự án hoặc công trình đầu tư XDCCB; đặc biệt là thay đổi nhận thức và thực hiện ngay việc đầu tư tài chính là loại hình đầu tư cao cấp, hiện đại trong thời kinh tế hội nhập, năng động, chia bớt rủi ro nhưng mang lại lợi nhuận cao và nhanh chóng nếu có chuyên môn, gồm: liên doanh liên kết, đầu tư dự án... kêu gọi vốn đầu tư từ các quỹ tài chính, các pháp nhân liên doanh liên kết,... nhằm tối đa hoá hoạt động kinh doanh, đa dạng hoá ngành nghề và phát huy tối đa hoạt động tài chính của Công ty.

II. Mục tiêu

1. Đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông

Việc thực hiện chia Công ty phải đảm bảo đúng, đủ, chính xác, tuân thủ pháp luật quyền và lợi ích của các cổ đông.

Công ty lựa chọn hình thức chia các phần sở hữu vốn trên vốn điều lệ cùng với danh mục tài sản tương ứng. Phần vốn góp tương ứng với tỷ lệ sở hữu được thống nhất chia sang 02 pháp nhân mới

2. Đảm bảo và thoả mãn yêu cầu đóng pháp nhân bị chia

Trên thực tế, hoạt động kinh doanh của Công ty không còn thể mạnh nhất định khi doanh thu đến từ việc cung cấp các dịch vụ khai thác và quản lý các vị trí kinh doanh của Công ty ngày càng giảm sút và không có dấu hiệu phục hồi. Với định hướng, chiến lược phát triển mới cùng với mong muốn, thống nhất từ các nhóm cổ đông, sau khi thực hiện chuyển giá trị phần vốn góp trên Vốn điều lệ tương ứng cùng với danh mục tài sản sang các pháp nhân mới (pháp nhân nhận chia), pháp nhân bị chia sẽ hoàn tất các thủ tục thực hiện đóng theo quy định của pháp luật.

3. Đảm bảo đủ tài sản và nguồn lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh của các pháp nhân mới sau khi thực hiện chia doanh Công ty;

❖ Về tài sản:

Để đảm bảo nguyên tắc ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các pháp nhân mới sau khi thực hiện chia công ty, ngoài các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của nhà nước với nhiều thời hạn khác nhau và toàn bộ tài sản khác bao gồm: Các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định... sẽ được các cổ đông thống nhất chia theo hình thức thoả thuận và chuyển về pháp nhân mới theo tỷ lệ sở hữu, tương ứng với vốn điều lệ, tuân thủ pháp luật. Đảm bảo tính chất pháp lý phục vụ việc hoạt động của các pháp nhân mới được đúng thời gian và trình tự.

Như vậy, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của các pháp nhân mới được hình thành từ Công ty bị chia gần như không bị ảnh hưởng.

❖ Về cơ cấu tổ chức và nhân sự:

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động và ổn định cơ cấu hoạt động tổ chức cũng như phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai của các pháp nhân mới, toàn bộ số lượng lao động tại Công ty bị chia cũng được thống nhất chuyển dịch theo các vị trí tài sản hoặc thống nhất chuyển tất cả về một pháp nhân mới (pháp nhân nhận chia) mà quyền lợi, chế độ của người lao động vẫn được cam kết giữ nguyên, không thay đổi.

III. Phương án chia công ty

1. Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ bị chia, để thành lập ra 02 (hai) công ty mới với một số ngành nghề kinh doanh được giữ lại hoặc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới tại 02 (hai) công ty mới.

Phương thức chia: Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 198 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới.”; và:

- Khoản 3 Điều 198 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Số lượng thành viên, cổ đông và số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của thành viên, cổ đông và vốn điều lệ của các công ty mới sẽ được ghi tương ứng với cách thức phân chia, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần của công ty bị chia sang các công ty mới theo nghị quyết, quyết định chia công ty.”; và:

- Khoản 4 Điều 198 Luật Doanh nghiệp năm 2020 “ Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các công ty đó thực hiện nghĩa vụ này. Các công ty mới đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết, quyết định chia công ty”.

2. Theo đó, tổng số cổ phần và vốn điều lệ (VĐL) của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty bị chia) được chia thành 02 (hai) phần: 30,3436% và 69,6564%. Toàn bộ cổ phần của cổ đông tương ứng với giá trị cổ phần được chuyển sang 02 (hai) công ty mới (danh sách cổ đông được quy định chi tiết tại phần phương án cụ thể).

- VĐL Công ty bị chia là: 17.200.000.000 đồng (bằng chữ: Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

Trong đó:

+ Chia cho công ty mới thứ nhất: 30,3436% VĐL, tương ứng 5.219.100.000đ (bằng chữ: Năm tỷ hai trăm mười chín triệu một trăm đồng). Công ty thứ nhất sẽ nhận chia từ Công ty bị chia 521.910 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp), bao gồm cả cổ phiếu đã lưu ký và chưa lưu ký.

+ Chia cho công ty mới thứ hai: 69,6564% VDL, tương ứng 11.980.900.000 đồng (bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm tám mươi triệu chín trăm ngàn đồng). Công ty thứ hai sẽ nhận chia từ Công ty bị chia 1.198.090 cổ phần (mệnh giá: 10.000đ/cp) bao gồm cả cổ phiếu đã lưu ký và chưa lưu ký.

- Thời hạn chia công ty: Công ty bị chia thực hiện chốt số liệu báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán, thực hiện quyết toán thuế đến hết ngày 31/12/2020 để làm căn cứ thực hiện, hoàn tất các thủ tục thực hiện chia công ty tại các cơ quan chức năng có liên quan.

3. Công ty bị chia sẽ chia theo những nội dung sau đây cho Công ty mới thứ nhất:

- Tài sản (theo danh mục đính kèm) không bao gồm nhân sự.
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.
- Các phát sinh khác liên quan trong suốt quá trình thực hiện thủ tục chia cho đến khi Công ty mới thứ nhất được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Công ty bị chia sẽ chia toàn bộ số tài sản còn lại cho công ty mới thứ hai theo những nội dung sau đây:

- Tài sản (bao gồm toàn bộ tài sản còn lại của Công ty bị chia) cùng toàn bộ nhân sự của Công ty bị chia.
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.
- Các phát sinh khác liên quan trong suốt quá trình thực hiện thủ tục chia cho đến khi Công ty mới thứ hai được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

B. Phương án chia cụ thể như sau:

1. Công ty bị chia

1.1 Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HOÀ XA

Mã số doanh nghiệp: 0300481625

Mã chứng khoán: SHX

Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Giữ nguyên các ngành nghề kinh doanh Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa khi thực hiện chia được chuyển sang công ty mới thứ hai.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành h
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
2	Sản xuất giống thủy sản Chi tiết: Nuôi thủy sản.	0323
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).	1622
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy.	5022
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.	5229
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).	5510
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu.	4661
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát.	4669
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).	5610
12	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).	5920
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

102
 3 TY
 HÂN
 GỒ
 A X
 HỒ C

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành h
	Chi tiết: Chế biến nông sản.	
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.	4290
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ.	4511
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản.	4620
18	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước.	4634
19	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.	4649
20	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.	4932
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt.	4933
22	Giáo dục mầm non	8510
23	Giáo dục tiểu học	8520
24	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
25	Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
26	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8541
27	Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8542
28	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
29	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
30	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
31	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
32	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở).	9610
33	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).	9639
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản.	6810
35	Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại.	7310
36	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7912

1.2 Điều lệ : Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

1.3 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS): Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

1.4 Số lượng cổ đông và số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông và VDL của các công ty mới sẽ được ghi tương ứng với cách phân chia Luật Doanh nghiệp quy định. Cụ thể :

1. Công ty thứ nhất sẽ nhận chia từ Công ty bị chia 521.910 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp), bao gồm cả cổ phiếu đã lưu ký và chưa lưu ký. Tỷ lệ chuyển đổi: 01 (một) cổ phần của Công ty bị chia tương ứng với 01 (một) cổ phần của Công ty mới thứ nhất.

2. Công ty thứ hai sẽ nhận chia từ Công ty bị chia: 1.198.090 cổ phần (mệnh giá: 10.000đ/cp) bao gồm cả cổ phiếu đã lưu ký và chưa lưu ký. Tỷ lệ chuyển đổi: 01 (một) cổ phần của Công ty bị chia tương ứng với 01 (một) cổ phần của Công ty mới thứ hai.

1.5 Phương án sử dụng lao động: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ chia và chuyển toàn bộ lao động hiện tại (bao gồm cả người lao động thời vụ) sang

công ty nhận chia mới thứ hai. Các chế độ, quy chế làm việc, vị trí, thù lao và các chế độ ưu đãi khác của người lao động sẽ tiếp tục duy trì tại công ty mới thứ hai.

1.6 Tài sản:

a. Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ chia những nội dung sau đây cho Công ty mới thứ nhất:

- Tài sản (theo danh mục đính kèm) không bao gồm nhân sự;
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.

để hình thành tài sản của Công ty thứ nhất.

b. Công ty bị chia sẽ chia toàn bộ số tài sản còn lại cho công ty mới thứ hai theo những nội dung sau đây:

- Tài sản (bao gồm toàn bộ tài sản còn lại của Công ty bị chia) cùng toàn bộ nhân sự của Công ty bị chia;
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.

để hình thành tài sản của Công ty thứ hai.

1.6 Vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ chia: 5.219.100.000 đồng (*bằng chữ: Năm tỷ hai trăm mười chín triệu một trăm nghìn đồng*) từ nguồn VDL của Công ty bị chia (chỉ bao gồm vốn góp của chủ sở hữu trên bảng cân đối tài chính kế toán) tương ứng để hình thành nguồn vốn công ty mới thứ nhất.

- Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ chia: 11.980.900.000 đồng (*bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm tám mươi triệu tám trăm ngàn ngàn đồng*) từ VDL của Công ty bị chia để hình thành vốn điều lệ của công ty mới thứ hai.

- **Tổng tài sản và VDL của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ bằng không (0) đồng và chấm dứt tồn tại ngay sau khi 02 (hai) Công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.**

2. Công ty được chia thứ nhất.

2.1 Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SAIGON HÒA XA TD

2.2 Trụ sở chính:

2.3 Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118	
2	Sản xuất giống thủy sản Chi tiết: Nuôi thủy sản.	0323	
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).	1622	
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy.	5022	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.	5229	
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).	5510	
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu.	4661	
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662	
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và	4663	



STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.		
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát.	4669	
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).	5610	
12	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).	5920	
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến nông sản.	3290	
	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.	4290	
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ.	4511	
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	(trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản.		
17	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước.	4634	
18	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.	4649	
19	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.	4932	
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt.	4933	
21	Giáo dục mầm non	8510	
22	Giáo dục tiểu học	8520	
23	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531	
24	Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	8532	
25	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8541	
26	Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8542	
27	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
28	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552	
29	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	
30	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
31	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở).	9610	
32	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).	9639	
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản.	6810	
34	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại.	7310	
35	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7912	
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê văn	6810	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	phòng, kinh doanh nhà, cho thuê kho bãi.		
37	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn pháp luật).	6820	
38	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.	5510	
39	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống tới khách hàng.	5610	
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trông giữ xe. Đại lý vé các phương tiện vận tải. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sắt-thủy-bộ.	5229	
41	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210	

2.4 Điều lệ: Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

2.5 Danh sách thành viên HĐQT: Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

2.6 Danh sách thành viên Ban kiểm soát (BKS): Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

2.7 Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau:

2.8 Phương án sử dụng lao động: Công ty được chia thứ nhất không nhận chia nhân sự từ Công ty bị chia. Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ trên định

hướng phát triển của Công ty được chia thứ nhất, tình hình hoạt động thực tế để xây dựng chính sách hợp lý và thu hút những nhân sự có trình độ và chuyên môn phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty được chia thứ nhất

2.9 Tài sản: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa sẽ chia những nội dung sau đây cho Công ty được chia thứ nhất:

- Tài sản (theo danh mục đính kèm) không bao gồm nhân sự;
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.

2.9 VDL của Công ty được chia thứ nhất là: 5.219.100.000 đồng (bằng chữ: Năm tỷ hai trăm mười chín triệu một trăm nghìn đồng).

3. Công ty được chia thứ hai

3.1 Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN LỢI

3.2 Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3.3 Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118	
2	Sản xuất giống thủy sản Chi tiết: Nuôi thủy sản.	0323	
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).	1622	
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy.	5022	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Đại lý bán vé máy bay, tàu	5229	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	hóa.		
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).	5510	
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu.	4661	
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662	
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663	
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát.	4669	
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).	5610	
12	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).	5920	



STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến nông sản.	3290	
	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.	4290	
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ.	4511	
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản.	4620	
17	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước.	4634	
18	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.	4649	
19	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.	4932	
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt.	4933	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
21	Giáo dục mầm non	8510	
22	Giáo dục tiểu học	8520	
23	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531	
24	Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	8532	
25	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8541	
26	Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8542	
27	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	
28	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552	
29	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	
30	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
31	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở).	9610	
32	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chày máu).	9639	
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	



STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản.		
34	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại.	7310	
35	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7912	

3.4 Điều lệ: Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

3.5 Danh sách thành viên HĐQT: Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

3.6 Danh sách thành viên BKS: Đính kèm tại thời điểm nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

3.7 Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau: Sẽ được chốt tại thời điểm huỷ lưu ký SHX (danh sách cổ đông giao cho HĐQT Công ty bị chia xác lập và quyết định).

3.8 Phương án sử dụng lao động: Công ty Cổ phần Thiên Lợi nhận chia toàn bộ nhân sự từ Công ty bị chia. Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ trên định hướng phát triển Công ty Cổ phần Thiên Lợi và tình hình hoạt động thực tế để xây dựng chính sách hợp lý và thu hút những nhân sự có trình độ và chuyên môn phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thiên Lợi.

3.9 Tài sản được chia cho Công ty Cổ phần Thiên Lợi:

- Tài sản (bao gồm toàn bộ tài sản còn lại của Công ty bị chia) cùng toàn bộ nhân sự của Công ty bị chia.
- Số liệu theo sổ sách, báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Tài liệu hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản.

3.10 VDL Công ty Cổ phần Thiên Lợi là: 11.980.900.000 đồng (bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm tám mươi triệu tám trăm ngàn ngàn đồng)

C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua Phương án chia công ty, HĐQT Công ty sẽ chỉ đạo Ban điều hành (BDH) lên kế hoạch chi tiết, làm việc với các cơ quan chức năng, những người có liên quan để hoàn tất toàn bộ các phần việc còn lại về việc thực hiện chia công ty. Kế hoạch thực hiện dự kiến như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
1	Thông báo và gửi Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua Phương án chia công ty tới toàn bộ người lao động, chủ nợ và đối tác của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.		
2	Chốt danh sách cổ đông Công ty bị chia để hoàn tất các thủ tục huỷ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trên sàn UPCoM, huỷ đăng ký lưu ký toàn bộ cổ phiếu SHX đang lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nếu cần);		
3	Chốt số liệu Báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán Thuế năm 2020/2021 và hoàn tất các thủ tục liên quan khác về thuế để làm căn cứ và hoàn tất việc thực hiện chia Công ty.		BDH, Phòng TCKT
4	Hoàn tất các phần công việc còn tồn đọng tại các cơ quan chức năng liên quan có kết quả để việc thực hiện chia Công ty được đảm bảo đủ điều kiện khi nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.		HĐQT, BDH
5	Hoàn tất hồ sơ, tiến hành nộp hồ sơ chia Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.		HĐQT, BDH
6	Nhận giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp cho 02 (hai) Công ty mới, hoàn tất các thủ tục còn lại tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh về việc chấm dứt tồn tại của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà xa.		HĐQT, BDH
7	Thực hiện bàn giao (nội bộ) bao gồm: Tài sản, sổ sách, báo cáo tài chính, tài liệu, hồ sơ pháp lý liên quan theo danh mục tài sản được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và các vấn đề		BDH, Các phòng ban



Stt	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
	liên quan khác cho 02 (hai) công ty mới.		liên quan

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Đình Vũ

CÔNG TY CP SÀI GÒN HÒA XA

DANH SÁCH TÀI SẢN CHIA CHO CÔNG TY THỨ NHẤT

(Đính kèm Phương án chia công ty)

Stt	Tài sản	Ghi chú
1	Toàn bộ số cổ phần gốc 190.370 CP CTCP Hải Vân Nam mà CTCP Sài Gòn Hòa xa đang sở hữu.	Tương ứng tổng mệnh giá 1.903.700.000đ
2	Khách sạn Hải Vân – 69 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Thành, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	Diện tích 470m ²
3	Khu đất tại Bình Chiểu, QL 1A, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Diện tích 3.100m ²
4	Khu đất số 51, đường 20, P. Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Diện tích 1.570,8m ²



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

1. Bên ủy quyền:

CMND/CCCD/MSDN:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: là cổ đông của Công ty CP Sài Gòn Hỏa xa (SHX)

Sở hữu số cổ phần SHX: cổ phần

(Bằng chữ: cổ phần)

2. Bên nhận ủy quyền (chọn 1 trong 2 lựa chọn dưới đây):

2.1. Ông/Bà:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

HOẶC:

2.2. Một trong những người thuộc thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) SHX có tên sau đây (chọn bằng cách đánh dấu chéo vào ô phía trước tên người được ủy quyền):

Ông Trần Đình Vũ, Chủ tịch HĐQT Bà Nguyễn Thị Phi Nga – Thành viên HĐQT, TGD

Bà Trương Ái Liễu, Thành viên HĐQT Bà Trần Thiên Kim – Thành viên HĐQT

Ông Phạm Lê Thắng, Thành viên HĐQT

3. Số cổ phần ủy quyền: cổ phần SHX

(Bằng chữ: cổ phần SHX)

4. Nội dung ủy quyền: Người nhận ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của SHX và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Người ủy quyền tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong phạm vi số cổ phần được ủy quyền đúng theo pháp luật và Điều lệ SHX.

5. Thời hạn ủy quyền: Giấy ủy quyền chỉ có giá trị tới khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của SHX.

6. Cam kết: Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ SHX về việc thực hiện ủy quyền này.

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

Người nhận ủy quyền

Người ủy quyền



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

---o0o---

2021

Lần 2

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Các nội dung thường niên 2021)

MẪU

Mã số biểu quyết : SHX000

Họ và tên cổ đông : **Tên cổ đông**

Tổng số cổ phần: xxx cổ phần

Tổng số phiếu biểu quyết: xxx phiếu biểu quyết

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

(Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua Tờ trình số 1 v/v thông qua kết quả kinh doanh năm 2020

1

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 2 v/v thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021

2

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 3 v/v thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

3

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 4 v/v thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

4

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 5 v/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

5

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 6 v/v phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

6

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA
---o0o---

2021

Lần 2

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Chia Công ty CP Sài Gòn Hỏa xa thành 02 công ty)



Mã số biểu quyết: SHX000

Họ và tên cổ đông: Tên cổ đông

Tổng số cổ phần: XXX cổ phần

Tổng số phiếu biểu quyết: XXX phiếu biểu quyết

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

(Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua Tờ trình số 9 v/v chia Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa thành 02 công ty

1

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

---o0o---

2021
Lần 2

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

MẪU

Mã số biểu quyết: SHX000

Họ và tên cổ đông: Tên cổ đông

Tổng số cổ phần: xxx cổ phần

Tổng số phiếu biểu quyết: xxx phiếu biểu quyết

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

(Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo bản dự thảo Điều lệ mới đính kèm Tờ trình số 8 v/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa

1

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới đính kèm Tờ trình số 8 v/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa trong trường hợp Điều lệ mới được thông qua

2

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)